



**BÁO CÁO  
THƯỜNG NIÊN**



*Phấn vinh cùng đất nước*

**2009**  
**annual report**

## Mục lục

Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng quản trị .....	02
Tổng quan về Công ty CP Đầu tư và Sản xuất Việt Hàn .....	04
Báo cáo của Hội đồng quản trị .....	09
Báo cáo của Ban giám đốc .....	13
Báo cáo Tài chính kiểm toán .....	26
Thông tin dành cho Cổ đông .....	54
Thông tin về Công ty .....	58



**THÔNG ĐIỆP CỦA  
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

## Thông điệp của Hội đồng quản trị

### VHG nhất định vượt khó đi lên!

Kính thưa Quý vị,

Khép lại năm 2009, có thể nói là một năm đầy thử thách của nền kinh tế thế giới nói chung và nền kinh tế Việt Nam nói riêng. Nếu như 2008, nền kinh tế Việt Nam chao đảo trước những tổn thất nặng nề và những tác động mạnh mẽ do cơn bão tài chính toàn cầu mang lại, thì một năm sau đó người ta được chứng kiến những nỗ lực phục hồi đáng kể với sự nỗ lực không ngừng của cộng đồng doanh nghiệp và sự điều hành vĩ mô linh hoạt của chính phủ, tuy vẫn đan xen sự lo lắng về một cuộc khủng hoảng sâu lan rộng.

Khó khăn, suy thoái và khủng hoảng là thách thức và cơ hội, là những trải nghiệm thực tiễn sâu sắc nhất trong hoạt động sản xuất kinh doanh mà VHG đã tích lũy được. Nếu như VHG một năm trước đây như chàng trai sung sức nhiều hoài bão, can đảm mạo hiểm thì giờ đây đã trưởng thành mạnh mẽ trong phong ba bão táp. Thật vậy, VHG đã trụ vững được, ổn định được sản xuất kinh doanh các ngành hàng, tiếp tục khẳng định duy trì các lĩnh vực đầu tư trung và dài hạn tạo điều kiện cho sự phát triển lâu dài.

Mặc dù kết quả sản xuất kinh doanh trong năm 2009 đạt rất thấp, không hoàn thành kế hoạch đặt ra, nhưng cũng đáng ghi nhận những nỗ lực hết mình của toàn thể cán bộ nhân viên VHG cùng nhau vượt qua khó khăn, bước đầu ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh, ổn định và phát triển mạnh thị trường các sản phẩm dân dụng, công nghiệp như dây cáp điện, cáp quang, ống nhựa, các sản phẩm composite, vật liệu xây dựng..., là các ngành sản xuất mà VHG đã kiên định theo đuổi. Với sự thay đổi chuyển mình nhanh chóng từ ngành sản xuất cáp đồng viễn thông sang các ngành sản xuất khác trong thời gian ngắn và bước đầu đã đạt được kết quả khả quan về thị trường tiêu thụ, VHG đã minh chứng cho sự linh hoạt thích ứng, kiên trì kiên định mục tiêu hành động là quản trị linh hoạt, nhất quán chính sách chất lượng sản phẩm, không ngừng đầu tư và nâng cao hình ảnh thương hiệu, xây dựng và phát triển hệ thống phân phối sâu rộng, không ngừng xây dựng và kiện toàn nguồn nhân lực cho định hướng và mục tiêu phát triển.

Với những trải nghiệm, bài học quý báu từ thực tiễn điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh qua khủng hoảng và suy thoái, với những tín hiệu hồi phục của nền kinh tế cũng như các kết quả bước đầu đạt được của các ngành hàng sản xuất,... VHG sẽ vượt khó đi lên bằng những thay đổi rõ ràng trong chiến lược phát triển định hướng cho các ngành nghề sẽ là nền tảng cho sự phát triển vững chắc tương lai, tối đa hóa lợi ích cho các cổ đông là: "bất động sản, đầu tư hạ tầng, trồng cây cao su, khai thác chế biến quặng kim loại, sản xuất và đầu tư tài chính"

Khó khăn, thách thức cùng cơ hội sẽ mãi luôn đồng hành cùng chúng ta; suốt cả quá trình hình thành và phát triển doanh nghiệp, chúng ta phải chinh phục. Vì đó chính là vận hội, là con đường duy nhất VHG tồn tại và phát triển. Tôi tin rằng với sự nỗ lực không ngừng của hàng trăm lao động cùng với sự kiên định, linh hoạt, ý chí mãnh liệt của lãnh đạo, và niềm tin của các cổ đông, VHG sẽ tiếp tục vươn mình trụ vững, phát triển mạnh mẽ trước thời cơ, vận hội tăng trưởng và phát triển của đất nước.

Thay mặt cho Hội đồng Quản trị, toàn thể cán bộ công nhân viên trong công ty, xin gửi lời xin lỗi vì kết quả không đạt được trong năm 2009 và cảm ơn chân thành đến quý vị cổ đông, các nhà đầu tư quan tâm ủng hộ và tin tưởng vào VHG.

Xin chân thành cảm ơn.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



**Huỳnh Tấn Chung/P.Chủ tịch**



**TỔNG QUAN** VỀ  
**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ & SẢN XUẤT**  
**VIỆT HÀN (VHG)**

## Tổng quan về Công ty CP Đầu tư & Sản xuất Việt-Hàn

Tên tiếng Việt	: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ & SẢN XUẤT VIỆT-HÀN
Tên tiếng Anh	: VIET-HAN CORPORATION
Địa chỉ	: Lô 04, 05 KCN Điện Nam-Điện Ngọc, Điện Bàn, Quảng Nam
Điện thoại	: 84-510-3946345 Fax: 84-510-3946333
Email	: ceo@vhg.com.vn
Website	: www.vhg.com.vn
Văn phòng Đà Nẵng	: 01 Lê Duẩn, Tp.Đà Nẵng
Điện thoại	: 84-511-3647666 Fax: 84-511-3647333
Vốn điều lệ	: 250.000.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi tỷ đồng)
Niêm yết cổ phiếu tại Sở giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh	
Tên cổ phiếu	: Cổ phiếu Công ty cổ phần Đầu tư & Sản xuất Việt-Hàn
Mệnh giá	: 10.000 đồng/cổ phiếu
Mã chứng khoán	: VHG
Số lượng cổ phiếu đăng ký niêm yết:	25.000.000 (Hai mươi lăm triệu cổ phiếu)

Trong năm 2009, VHG đã đăng ký sửa đổi bổ sung Giấy đăng ký kinh doanh lần thứ 8 và được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp ngày 11/05/2009

### Ngành nghề kinh doanh chính

- Sản xuất cáp viễn thông: sợi đồng, sợi quang học, truyền dữ liệu...
- Sản xuất dây và cáp điện
- Sản xuất các sản phẩm nhựa công nghiệp và dân dụng
- Sản xuất các sản phẩm từ sợi thủy tinh
- Sản xuất vật liệu xây dựng
- Khai thác, chế biến quặng đồng, các khoáng sản
- Đầu tư hạ tầng giao thông, phát điện, khu công nghiệp, bất động sản
- Trồng cây công nghiệp

**LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG**

Ngày 14/07/2003 Công ty cổ phần Đầu tư & Sản xuất Việt-Hàn (VIET-HAN CORPORATION) được thành lập

Ngày 28/01/2008 Cổ phiếu VIET-HAN CORPORATION (VHG) chính thức giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh

**2004**

Sản phẩm cáp viễn thông mang thương hiệu VIET-HAN CABLE được OEM từ Hàn quốc có mặt tại thị trường Việt Nam.

**2005**

Tháng 09/2005, xuất lô hàng cáp viễn thông đầu tiên

**2006**

Sản xuất cáp viễn thông có dung lượng 2.400 đôi, trở thành nhà sản xuất cáp có dung lượng lớn nhất Việt Nam

**2007**

Nhà máy cáp viễn thông đạt công suất 3.000.000 km đôi/năm, trở thành một trong những nhà máy sản xuất cáp viễn thông hàng đầu Việt Nam

Khánh thành giai đoạn 1 nhà máy dây và cáp điện (VPC)

Khánh thành nhà máy cáp quang (OFC)

Mua lại Công ty cổ phần nhựa Việt-Hàn, đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất các sản phẩm từ cốt sợi thủy tinh (VPF)

INDOCHINA CAPITAL trở thành nhà đầu tiên chiến lược và VINACAPITAL là cổ đông lớn của VHG

PHON VINH CORP và HANDIC hợp tác toàn diện với VHG

VNR-Top 500 Company xếp VHG năm trong Top 500 doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam

**2008**

Tháng 03/2008: Khánh thành nhà máy sản xuất sản phẩm từ cốt sợi thủy tinh FRP

Tháng 04/2008: Đầu tư nhà máy công nghệ vật liệu tại Quảng Nam (VMC)

Tháng 05/2008: Hoàn tất dự án đầu tư giai đoạn 2 cho Nhà máy VPC và VPF

Tháng 11/2008: Triển khai dự án trồng 4.115 ha cao su tại Quảng Nam

Tháng 12/2008: Sở hữu đất dự án cao ốc tại 09 Lê Duẩn, 02 Yên Bái, Tp.Đà Nẵng

VNR-Top 500 Company tiếp tục xếp VHG năm trong Top 500 doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam

**2009**

Tháng 05/2009: Khánh thành nhà máy sản xuất vật liệu (VMC) có công suất 80 triệu sản phẩm/năm

Tháng 10/2009: UBND Tp Đà Nẵng quyết định phê duyệt quy hoạch tổng mặt bằng 1:500 cho dự án D'EVELYN Đà Nẵng (09 Lê Duẩn)

Tháng 11/2009: Sản xuất thành công sản phẩm FRP có đường kính trên 4m, dung tích 150m<sup>3</sup>



## TẦM NHÌN

Trở thành Công ty hoạt động đầu tư và sản xuất đa ngành hàng đầu tại khu vực miền Trung Việt Nam

## SỨ MỆNH

Khởi tạo với đam mê, đối diện trực tiếp với thử thách, hòa quyện nguồn nhân lực, công nghệ, tiềm năng để tạo ra các sản phẩm và dịch vụ hoàn hảo mang lại giá trị đích thực, “phồn vinh cùng đất nước”

## TRIẾT LÝ KINH DOANH

- Lấy khách hàng làm trung tâm cho sự đổi mới và sáng tạo
- Lấy xã hội làm nền tảng cho sự phát triển.
- Lấy nhân viên là trụ cột cho đại gia đình VHG.

## NGUYÊN TẮC KINH DOANH

- Tuân thủ luật pháp và các chuẩn mực về đạo đức
- Tôn trọng khách hàng, các cổ đông và nhân viên của mình
- Duy trì bản sắc văn hóa tổ chức trong sạch
- Quan tâm đến môi trường, sức khỏe và an toàn
- Là một doanh nghiệp có trách nhiệm xã hội

## TRIẾT LÝ THƯƠNG HIỆU

“Phồn vinh cùng đất nước”

- Luôn đột phá, đi đầu, tiên phong.
- Liên tục cải tiến.
- Quan tâm đến khách hàng như những cá thể riêng biệt.
- Làm việc và tư duy có tình cảm, hoạt động có trách nhiệm xã hội.
- Trung thực với khách hàng, chân thành với đồng nghiệp.

## QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN

- Đầu tư vào sản xuất và phát triển hạ tầng, bất động sản
- Kinh doanh định hướng khách hàng
- Phát triển nhanh, liên tục cải cách để ổn định
- Lấy con người làm yếu tố cốt lõi

## GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Giá trị cốt lõi của VHG là các giá trị bền vững làm nên thành công và quy định tính chất nổi trội của thương hiệu VHG, được hình thành qua những ngày tháng gian khổ đầu tiên của công ty, được xây dựng từ những kinh nghiệm và học hỏi, tôi luyện qua những thử thách trong suốt quá trình phát triển.

VHG cho rằng sống bằng các giá trị vững chắc chính là chìa khóa kinh doanh thành công. Tại VHG, một quy tắc ứng xử nghiêm chỉnh và những giá trị cốt lõi này là trọng tâm cho mọi quyết định của chúng tôi:

### Đoàn kết

Tất cả mọi người đều quan trọng. Sức mạnh của VHG được tạo ra từ sự kết hợp, bổ sung giữa các cá nhân với năng lực và cá tính riêng biệt, giữa các đơn vị thành viên với các chiến lược phát triển và ưu thế khác nhau.

### Sáng tạo

Mọi thứ chúng tôi làm tại VHG được chi phối bởi một niềm say mê xây dựng thành công vượt trội - và sự cống hiến không ngừng trong việc phát triển các sản phẩm và dịch vụ.

### Trung thực

Giá trị nền tảng quan trọng đối với mỗi nhân viên và lãnh đạo của VHG là sự trung thực và minh bạch:

- Rõ ràng minh bạch, tính đúng đắn trong quản lý kinh doanh, truyền thông, nhân viên, nhà nước...
- Liêm chính trong quan hệ nội bộ và quan hệ với bên ngoài

### Cùng thịnh vượng

Mọi người cùng làm việc sẽ đạt được thành quả cao hơn. VHG chỉ có thể được gọi là thành công khi có thể mang lại sự thịnh vượng và cơ hội cho người khác. VHG luôn phấn đấu là một công ty có trách nhiệm về mặt xã hội và môi trường

## GIẢI PHÁP HÀNH ĐỘNG

Tổ chức công ty mềm dẻo, linh hoạt như của một công ty nhỏ, có sức mạnh của một công ty lớn khi cần thiết

Thiết lập liên minh chiến lược trên cơ sở Win - Win

Tập trung và phải trở thành một công ty tiên phong trong lĩnh vực kinh doanh đã lựa chọn

VHG nhất định phải được xây dựng và phát triển trên 3 trụ cột: Nhân sự - Công nghệ - Tài chính

## MỤC TIÊU HÀNH ĐỘNG

Tăng trưởng dựa trên quy mô và nền tảng vững chắc

Không ngừng nâng cao hình ảnh thương hiệu

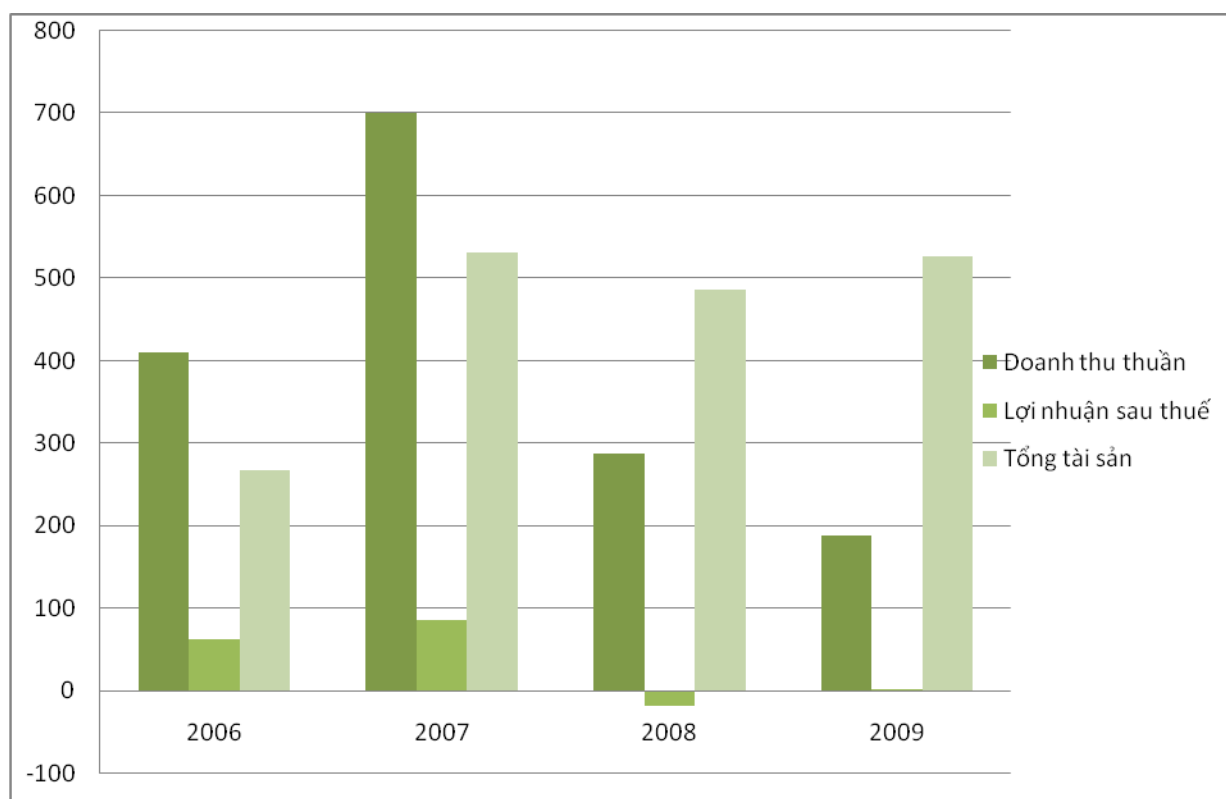
Xây dựng nguồn nhân lực chuyên nghiệp

Mở rộng mạng lưới phân phối sâu rộng

## SỐ LIỆU THỐNG KÊ

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	2006	2007	2008	2009
Doanh thu thuần	410.22	700.48	287.377	189.038
Lợi nhuận sau thuế	63.437	86.303	(17.418)	1.984
Tổng tài sản	267.95	531.99	486.971	527.591
Vốn điều lệ	40	250	250	250
Vốn chủ sở hữu	84.086	514.12	439.297	438.164
Lãi cơ bản/cổ phiếu (đ)	45.158	4.441	(697)	80





**BÁO CÁO**  
**CỦA**  
**HỘI ĐỒNG**  
**QUẢN TRỊ**

## Báo cáo của Hội đồng quản trị

### Môi trường kinh doanh

Những khó khăn, bất ổn do tác động của cuộc khủng hoảng tài chính vẫn sẽ tiếp tục ảnh hưởng. Chính sách vĩ mô sẽ tiếp tục không ổn định, do sẽ phải thay đổi để giải quyết các sức ép do phải thực thi các biện pháp trước đó để ổn định nền kinh tế. Do vậy, môi trường kinh doanh 2010 và cho những năm sắp đến sẽ còn nhiều khó khăn và tiềm ẩn nhiều rủi ro do những thay đổi về chính sách tiền tệ. Nó sẽ tác động trực tiếp đến hoạt động của các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp sản xuất như VHG do hầu hết các loại nguyên vật liệu hiện đang phải nhập khẩu, hoặc giá cả các loại nguyên vật liệu bị ảnh hưởng do sự thay đổi của giá dầu thô thế giới.

### Thay đổi chiến lược kinh doanh

Từ bối cảnh chung của nền kinh tế Việt Nam trong hiện tại, dự báo và nhìn nhận đánh giá những cơ hội để VHG phát triển mạnh mẽ và ổn định trong tương lai, phù hợp với định hướng phát triển của các tỉnh miền Trung cũng như bắt được nhịp phát triển của nền kinh tế Việt Nam trong những năm sắp đến. Chiến lược kinh doanh của VHG là *"Tập trung phát triển lĩnh vực bất động sản, hạ tầng công nghiệp dịch vụ, cây công nghiệp; Tiếp tục ổn định và phát triển lĩnh vực sản xuất chuyên ngành vật liệu xây dựng cơ bản; Tìm kiếm cơ hội hợp tác đầu tư trong lĩnh vực tài chính và khoáng sản"*, VHG kiên định theo đuổi mục tiêu chiến lược này và áp dụng chiến thuật linh hoạt để đạt được hiệu quả tốt nhất.

### Những nét chính trong kết quả hoạt động

Từ năm 2008 đến nay, ngành hàng sản xuất chính của VHG là cáp đồng viễn thông đã dừng sản xuất do nhu cầu và thay đổi công nghệ của thị trường, VHG đã tập trung cùng một lúc để phát triển bốn nhóm sản phẩm mới là : cáp quang; dây và cáp điện; ống nhựa dân dụng, ống và bồn composite (FRP); vật liệu xây dựng. Do vậy ngoài các khó khăn do tác động ảnh hưởng quá lớn do khủng hoảng và chính sách vĩ mô của nền kinh tế, VHG cũng gặp phải không ít trở ngại khó khăn do phải đồng thời phân tán các nguồn lực cũng như điều hành. Vì vậy mặc dù việc thực hiện kế hoạch 2009 không đạt như mục tiêu đặt ra (doanh thu thuần 190 tỷ đồng, đạt 63,3% kế hoạch; lợi nhuận sau thuế 2 tỷ đồng, đạt 8% kế hoạch) nhưng với kết quả về thị trường, công nghệ và chất lượng sản xuất... có được sẽ là niềm tin cho VHG vượt qua được giai đoạn khó khăn và vươn lên mạnh mẽ.

### Những thay đổi chủ yếu và các sự kiện tiêu biểu

VHG đã thực hiện đa dạng hóa các lĩnh vực hoạt động theo mục tiêu đặt ra từ năm 2008, đến nay đã từng bước ổn định và phát triển. Năm 2009 là năm VHG tập trung cho chiến lược "Xây dựng lại VHG" trên cơ sở loại bỏ các thị trường, các sản phẩm không có lợi thế, tái cấu trúc công ty...

VHG đã thực hiện sắp xếp nội bộ theo định hướng độc lập tự chủ trong sản xuất của các khối sản xuất, đầu tư và khối chức năng, hình thành khối sản xuất kinh doanh theo các nhà máy theo mô hình tổ chức quản lý tinh gọn và linh hoạt. Thực hiện giao chỉ tiêu kế hoạch và đánh

giá kết quả hoạt động của từng nhà máy để có biện pháp hoạt động hiệu quả hơn. Đẩy mạnh hơn nữa việc quản trị chi phí, tiết kiệm chi tiêu nhằm giúp Công ty vượt qua giai đoạn khó khăn của khủng hoảng kinh tế toàn cầu. Rà soát đánh giá từng nhóm sản phẩm để có định hướng đầu tư phát triển phù hợp.

VHG đã hoàn thiện hệ thống quản lý chất lượng theo chuẩn ISO 9001: 2008 cho các nhà máy, dự án mới và tiếp tục xây dựng văn hóa VHG

### Kế hoạch trung hạn cho giai đoạn 2010-2012

Khó khăn và bất ổn do ảnh hưởng của suy thoái kinh tế toàn cầu và thay đổi trong môi trường vĩ mô sẽ tiếp tục tác động trong thời gian dài sắp đến. VHG xây dựng định hướng và mục tiêu kinh doanh trong giai đoạn đến xoay quanh trục ngành nghề theo thứ tự ưu tiên phát triển: *bất động sản, hạ tầng công nghiệp dịch vụ - cây công nghiệp - sản xuất chuyên ngành vật liệu xây dựng cơ bản - đầu tư khai thác chế biến kim loại màu*, trong đó:

- Về lĩnh vực bất động sản, đầu tư hạ tầng: xác lập vùng dự án và phát triển thị trường tập trung vào các tỉnh duyên hải miền Trung với loại hình căn hộ, khu đô thị dân cư và công nghiệp dịch vụ. Tiếp tục triển khai các dự án hợp tác liên kết với các đối tác tại khu vực Hà Nội.
- Về lĩnh vực trồng cây công nghiệp: hoàn chỉnh dự án trồng cao su có quy mô trên 4.000 ha trong giai đoạn kế hoạch và tiếp tục mở rộng vùng dự án đạt tổng diện tích 7.000 ha đảm bảo xây dựng nhà máy chế biến có quy mô tương đối. Nghiên cứu và phát triển các dự án trồng rừng và phát triển hạ tầng trên vùng dự án trồng cao su.
- Về lĩnh vực sản xuất: duy trì ổn định phát triển sản xuất kinh doanh bốn nhóm ngành hiện tại: cáp quang; dây và cáp điện; nhựa và FRP và vật liệu xây dựng. Các nhóm ngành sản xuất bước đầu đã ổn định, VHG sẽ tiếp tục gia tăng hiệu quả các ngành sản xuất này để đảm bảo sự ổn định và phát triển của công ty trong ngắn hạn, và một phần tài trợ cho các dự án trung và dài hạn của công ty.

Các chỉ tiêu chính cho giai đoạn

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	2010	2011	2012
Doanh thu	220.000	400.000	700.000
Lợi nhuận trước thuế	15.000	50.000	80.000

### Những mục tiêu chính cho năm kế hoạch 2010

- Về bất động sản và đầu tư hạ tầng: hoàn tất các bước chuẩn bị cuối cùng, khởi công dự án căn hộ D'EVERLYN tại Tp Đà Nẵng trong năm 2010; cùng đối tác HANDIC, HACISCO hoàn tất thủ tục đầu tư dự án chung cư tại Hà Nội; tiếp tục nghiên cứu tiền khả thi các dự án khu dân cư đô thị mới tại Đà Nẵng và tỉnh Quảng Nam. Quy hoạch và phát triển dự án tiền khả thi tổ hợp công nghiệp và dịch vụ An Lưu (Quảng Nam). Tăng tổng quỹ đất của VHG trong 2010 lên 2350ha.

- Về trồng cây cao su: triển khai đền bù 1500ha đất và trồng mới 500-1000 ha, tiếp tục tìm kiếm và phát triển bổ sung thêm diện tích để đạt quy mô đến 7.000 ha cho dự án cao su VHG.
- Về lĩnh vực sản xuất: duy trì ổn định và gia tăng tối đa hiệu quả năng lực sản xuất của các nhà máy hiện có. Đầu tư mạnh cho thực thi chiến lược nâng cao hình ảnh thương hiệu VHG, song song với việc đầu tư phát triển hệ thống phân phối sâu rộng cho các nhóm sản phẩm; tăng cường sự liên kết hỗ trợ tận dụng các kênh phân phối của các nhóm sản phẩm để gia tăng doanh số và phát triển thương hiệu.
- Về lĩnh vực khai thác chế biến khoáng sản: nghiên cứu dự án đầu tư khai thác quặng đồng ở Bolivia, nơi có trữ lượng rất lớn về quặng đồng
- Năm 2010 tiếp tục tập trung thực hiện xây dựng hình ảnh VHG, nâng cao hiệu quả năng lực quản trị điều hành, quản trị sản xuất, ổn định và phát triển mạnh cho các nhà máy sản xuất hiện tại

Với sự quyết tâm cao độ của Hội Đồng Quản Trị sát cánh cùng với Ban Giám đốc điều hành công ty cam kết hoàn thành các mục tiêu chiến lược đã đề ra. Tạo được nền tảng vững chắc cho sự phát triển bền vững ổn định của VHG, bảo toàn lợi ích cho các cổ đông.

### Các căn cứ để đảm bảo thực hiện mục tiêu 2010

VHG trung thành mục tiêu sau khi tái cấu trúc lại công ty, đảm bảo có đủ nguồn lực để hoàn thành các mục tiêu đề ra, trong đó:

- Ngắn hạn: các hoạt động sản xuất kinh doanh sản phẩm từ các nhà máy cáp quang, nhà máy dây và cáp điện, nhà máy công nghệ vật liệu, nhà máy nhựa và FRP, các hoạt động đầu tư tài chính, thương mại.
- Trung hạn: nguồn thu từ các dự án về bất động sản, dự án khoáng sản, vật liệu xây dựng, các dự án đầu tư góp vốn liên doanh liên kết vào các công ty thành viên...
- Dài hạn: nguồn thu từ các dự án hạ tầng khu công nghiệp, các dự án cây công nghiệp...

Năm 2010, VHG xúc tiến tìm kiếm các nguồn vốn, sự hỗ trợ từ các tổ chức tín dụng và quỹ đầu tư để đảm bảo thực hiện các dự án cho mục tiêu 2010 và cho các năm tiếp theo.

### Các giải pháp thực hiện

- Tiếp tục thực hiện chiến lược đầu tư "vừa thận trọng vừa linh hoạt" nhằm bảo toàn vốn và gia tăng tốc độ tăng trưởng trong các lĩnh vực sản xuất kinh doanh.
- Phát triển toàn diện VHG trong sự liên kết và hợp tác chặt chẽ với các đối tác có chọn lọc, phát huy thế mạnh của các công ty góp vốn, các công ty là đối tác chiến lược...
- Tiếp tục hoàn thiện và hợp lý hoá công nghệ, dây chuyền thiết bị trong tổ hợp sản xuất của VHG để đảm bảo hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình sản xuất kinh doanh.
- Nâng cao hiệu quả hoạt động quản trị điều hành, quản trị sản xuất đảm bảo kiểm soát việc thực thi mục tiêu đặt ra, tăng tính cạnh tranh cho từng dòng sản phẩm bằng việc duy trì nhất quán chính sách chất lượng và giá thành hợp lý

- Tiếp tục kiện toàn xây dựng cơ cấu tổ chức, hoàn thiện không ngừng quy trình quản lý chất lượng. Xây dựng, đào tạo nguồn nhân lực đảm bảo đáp ứng cho mục tiêu phát triển của VHG những năm đến. Liên tục củng cố, xây dựng môi trường văn hóa doanh nghiệp theo giá trị cốt lõi: đoàn kết-sáng tạo-trung thực-cùng thịnh vượng là chuẩn mực ứng xử thống nhất trong toàn VHG, tạo môi trường thân thiện hợp tác để thực sự
- phát huy năng lực cống hiến của từng cá nhân, đơn vị thành viên trong đại gia đình VHG.

### Kết luận

Chặng đường phía trước còn nhiều chông gai và thử thách, song VHG kiên định và kiên trì thực hiện chiến lược phát triển bền vững với mục tiêu cao nhất đó là: tạo ra giá trị mới cho xã hội, bảo toàn và đảm bảo lợi ích cao nhất cho các cổ đông và cán bộ nhân viên VHG. Mục tiêu này, Hội đồng quản trị sẽ sát cánh song hành cùng Ban Giám đốc, cùng với tinh thần đoàn kết, ý chí nỗ lực hết mình của hàng trăm lao động sẽ quyết tâm thực hiện đến cùng. VHG mong muốn nhận được sự đồng lòng ủng hộ và gắn bó lâu dài của các cổ đông cũng như các đối tác.

TM.Hội đồng quản trị



**Huỳnh Tấn Chung/P.Chủ tịch**





**B**ÁO CÁO CỦA  
AN GIÁM ĐỐC

## Báo cáo của Ban Giám đốc

### Những đặc điểm của môi trường kinh doanh

Việt Nam hội nhập sâu vào WTO, chịu tác động trực tiếp của kinh tế khu vực và toàn cầu, chịu tác động mạnh từ suy thoái kinh tế toàn cầu.

Thay đổi môi trường vĩ mô và các chính sách pháp luật của nhà nước về kinh tế... tác động đến môi trường hoạt động.

Hầu hết các nguyên liệu của ngành dây cáp điện, cáp quang, nhựa, cốt sợi thủy tinh... đều phải nhập khẩu, chịu sự biến động trực tiếp của các nguồn cung cấp

Biến động tỷ giá, thay đổi tỷ suất nguồn vốn, biến động giá đầu vào của sản xuất (nguyên vật liệu, điện nước, chi phí vận chuyển...)

Sự gia tăng đầu tư mạnh mẽ vào các ngành nghề VHG đang kinh doanh, tính cạnh tranh ngày càng khốc liệt, đặc biệt về giá bán

Thị trường chứng khoán suy giảm, thắt chặt tiền tệ, dịch chuyển nguồn vốn đầu tư, thay đổi chính sách xây dựng nhà đất... ảnh hưởng đến các dự án trung và dài hạn.

### Những thuận lợi

Công nghệ sản xuất hiện đại, kiên định và nhất quán theo đuổi mục tiêu chất lượng, duy trì và phát triển hệ thống sản phẩm, dịch vụ mới hướng đến khách hàng

Cấu trúc tài chính, nguồn vốn trong hoạt động sản xuất kinh doanh đảm bảo cân đối

HĐQT, Ban Tổng giám đốc có quyết tâm cải tiến hoàn thiện hệ thống quản lý và điều hành

Nguồn nhân lực trẻ, nhiệt huyết và có tay nghề

### Những khó khăn

Các dự án trung và dài hạn mới bắt đầu triển khai, kinh tế trong nước tăng trưởng chậm lại, thay đổi chính sách về đất, tài nguyên, đền bù, thắt chặt tiền tệ và tâm lý khách hàng... ảnh hưởng đến tiến độ triển khai các dự án.

Các sản phẩm mới của VHG: dây cáp điện, nhựa công nghiệp, sản phẩm cốt sợi thủy tinh, vật liệu xây dựng... mới được đưa ra thị trường trong các tháng cuối năm 2008.

Tính cạnh tranh trên thị trường ngày càng quyết liệt, đặc biệt về giá, mẫu mã và chất lượng, đòi hỏi phải thay đổi về công nghệ, hạ giá thành sản xuất

Năng lực hạ tầng khu công nghiệp đặt các nhà máy sản xuất còn hạn chế: điện, giao thông... dẫn đến rủi ro và gia tăng chi phí

Sự cạnh tranh không lành mạnh giữa các doanh nghiệp cùng ngành nghề

Cơ chế đấu thầu, xét thầu của chủ đầu tư gây nhiều bất lợi

Chính sách siết chặt tiền tệ cộng với năng lực tài chính của khách hàng hạn chế dẫn đến nợ quá hạn và giảm sút trong đầu tư

Biến động lớn về giá các loại vật tư, nguyên liệu, giá vận chuyển

Tỷ suất lợi nhuận giảm dần do giá bán không tăng nhiều trong khi giá thành và chi phí hoạt động tăng nhanh

Tỷ giá ngoại tệ luôn diễn biến theo chiều hướng bất lợi cho công ty

Thị trường chứng khoán không ổn định và suy thoái sau khi VHG niêm yết

**TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH****Tài sản và nguồn vốn**

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	2008	2009	Tỷ lệ
Tài sản dài hạn	189.846.829.853	270.721.210.483	142,60%
- Nguyên giá TSCĐ	169.346.312.137	293.124.228.322	173,09%
- Giá trị hao mòn	50.137.372.219	67.110.487.114	133,85%
- Giá trị còn lại	119.208.939.918	226.013.741.208	189,59%
- CP xây dựng CB dở dang	56.586.720.823	39.114.433.128	69,12%
Tài sản ngắn hạn	297.124.670.022	257.384.704.424	86,63%
Tổng tài sản	486.971.499.875	528.105.914.907	108,45%
Nợ ngắn hạn	47.673.617.847	89.942.117.419	188,66%
Nguồn vốn chủ sở hữu	439.297.882.028	438.163.797.488	99,74%
Tổng nguồn vốn	486.971.499.875	528.105.914.907	108,45%

**Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát**

Chỉ tiêu	2008	2009
Khả năng thanh toán nhanh (lần)	4,32	1,74
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn (lần)	6,23	2,85
Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản (%)	61,02	77,48
Tài sản dài hạn/Tổng tài sản (%)	38,98	22,52
Nợ /Tổng nguồn vốn (%)	9,79	3,36
Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn (%)	90,21	96,64

Các số liệu tài chính đã được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán và Kế toán AAC (có báo cáo kiểm toán đính kèm)

**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Danh mục	Vốn đầu tư của CSH (tr.đồng)	Thặng dư vốn CP (tr.đồng)	Quỹ ĐTPT (đồng)	Quỹ DPTC (đồng)	LNST chưa phân phối (đồng)
Số dư tại 31/12/2008	250.000	175.000	200.881.676	7.622.619.380	1.208.149.414
Số dư tại 01/01/2009	250.000	175.000	200.881.676	7.622.619.380	1.208.149.414
Tăng trong kỳ					1.983.810.109
Giảm trong kỳ					
Số dư tại 31/12/2009	250.000	175.000	200.881.676	7.622.619.380	3.191.959.523

**Cổ phiếu**

	31/12/2008	31/12/2009
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	-	-
Số lượng cổ phiếu chào bán ra công chúng	-	-
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	25.000.000	25.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	25.000.000	25.000.000

**Chi trả cổ tức trong năm 2009**

Đứng trước những ảnh hưởng của suy thoái kinh tế toàn cầu, các ngành nghề mới bước đầu không đạt hiệu quả, lợi nhuận quá thấp không đạt kế hoạch nên không tiến hành chi trả cổ tức

**ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH 2009****Một số chỉ tiêu cơ bản đạt được**

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	2008	2009
Doanh thu	287.377.087.936	189.038.779.227
Lợi nhuận gộp	464.736.648	24.196.983.108
Lợi nhuận sau thuế	-17.418.839.168	1.983.810.109
Lợi nhuận gộp/ Doanh thu	0,17%	12,80%
Lợi nhuận ròng/ Doanh thu	-6,07%	1,05%
ROA	-3,58%	0,38%
ROE	-3,97%	0,79%
EPS	-697	80,00

Sự bất ổn của chính sách vĩ mô và môi trường kinh doanh trong nước do ảnh hưởng của suy thoái kinh tế toàn cầu thật sự là khó khăn quá lớn đối với VHG trong năm 2009, thời điểm mà VHG đang thực hiện chuyển đổi cơ cấu sản xuất không còn cấp đồng viễn thông mà tập trung khai thác các dự án sản xuất mới đầu tư trong giai đoạn 2008-2009 mà hầu hết các nhóm sản phẩm của VHG đang phải nỗ lực tìm kiếm và định vị trên thị trường.

Các hoạt động sản xuất kinh doanh chính trong năm 2009 của VHG là tập trung xác lập thị trường, xây dựng thương hiệu, bảo toàn vốn.

Sự thay đổi điều chỉnh kế hoạch đầu tư công nghệ của ngành viễn thông đã ảnh hưởng nhất định đến doanh số hoạt động của nhà máy cáp quang, các nhu cầu mới được triển khai cho toàn ngành sau tháng 03/2009 và duy trì tăng trưởng cho đến nay.

Các dự án bất động sản, trồng cây cao su đang trong giai đoạn đầu tư chưa phát sinh doanh thu và lợi nhuận

Giá nguyên vật liệu biến động thất thường trong khi công tác quản trị vật tư không lường hết các yếu tố rủi ro

Nhà máy vật liệu xây dựng mới được xây dựng hoàn chỉnh và đưa vào sản xuất chỉ mới bắt đầu vào tháng 05/2009

Biến động tỷ giá và khan hiếm ngoại tệ đã ảnh hưởng mạnh đến hiệu quả chung của các ngành hàng VHG đầu tư vì hầu hết nguyên vật liệu đều nhập khẩu.

**Hoàn thiện bộ máy quản trị, duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng**

Năm 2009, VHG đã liên tục đánh giá lại nguồn nhân lực, sắp xếp và cải tổ lại toàn bộ hệ thống. Hoàn thiện mô hình phân định khối sản xuất – đầu tư và khối chức năng theo hướng tinh gọn và

linh hoạt. Thực hiện giao chỉ tiêu kế hoạch và đánh giá kết quả hoạt động của từng nhà máy để có biện pháp hoạt động hiệu quả hơn. VHG đã phát triển toàn diện hệ thống ISO 9001:2008 trong tất cả các tổ chức nội bộ, áp dụng quản trị theo công nghệ thông tin hiện đại.

Nguồn nhân lực đã thay đổi mạnh trong năm, đến cuối 2009 VHG có 546 lao động (tăng 35%) do triển khai các dự án mới và đưa nhà máy sản xuất vật liệu vào hoạt động. Trước những khó khăn chung, người lao động trong công ty đã chia sẻ và cùng đồng hành, thu nhập giảm gần 8%, nhưng hầu hết đều gắn bó và sẵn sàng cùng VHG vượt qua khó khăn

### **Thực hiện và nâng cao tính minh bạch trong mọi hoạt động**

Xác định giá trị cốt lõi của VHG, trong năm đã xây dựng và triển khai hệ thống quản trị hiện đại và linh hoạt, lấy giá trị "trung thực" làm trung tâm trong chuỗi giá trị: đoàn kết – sáng tạo – trung thực – cùng thịnh vượng. VHG đã tổ chức kênh thông tin thông qua website, người đại diện phát ngôn. Toàn bộ mọi hoạt động được phản ánh trung thực, cầu thị

### **Nghiên cứu và phát triển thành công các sản phẩm dịch vụ mới**

Tiếp nhận và bước đầu xây dựng hệ thống quy hoạch, quản lý vườn cây cao su trên nền công nghệ thông tin, cây cao su tăng trưởng tốt trên vùng dự án

Sản xuất thành công các sản phẩm cáp quang ADSS, cáp thả sông và cáp quang chất lượng cao...đạt tiêu chuẩn quốc tế.

Phát triển thành công sản phẩm dây và cáp điện chống cháy có chất lượng cao theo tiêu chuẩn quốc tế, thay đổi bao bì và hệ thống nhận diện sản phẩm, cáp điện đã sản xuất đến cấp trung thế ngầm và cáp cao thế trần được ngành điện lực đưa lên mạng.

Hoàn chỉnh hệ thống chuyển đổi một phần dây chuyền thiết bị cáp đồng viễn thông sang sản xuất cáp điện lực bọc trung thế, cáp trần điện lực cao thế, dây đồng dân dụng các loại.

Nghiên cứu và đa dạng hoá các sản phẩm từ cốt sợi thủy tinh, đã sản xuất thành công hệ thống bồn chứa có đường kính lớn trên 4m và dung tích trên 150m<sup>3</sup>.

Đa dạng hóa sản phẩm vật liệu nung, đã sản xuất thành công ngói lợp đất nung đạt tiêu chuẩn so sánh với các sản phẩm chất lượng cao của các nhà máy cùng ngành.

### **Tiếp tục xây dựng hệ thống nhận diện thương hiệu và mở rộng hệ thống phân phối**

Năm 2009, VHG đã tập trung xây dựng hệ thống nhận diện thương hiệu, bước đầu triển khai chiến lược marketing cho giai đoạn 2010-2015. Thương hiệu VIET-HAN TILES đã có độ phủ tương đối, năng lực bán hàng đã tương đương với năng lực sản xuất. Thương hiệu VIET-HAN FRP với các sản phẩm có đường kính lớn, chất lượng cao đã bắt đầu được các nhà cung ứng dịch vụ xử lý môi trường, sản xuất thực phẩm tin dùng và khả năng phát triển về ngành hàng này rất lớn. Thương hiệu VIET-HAN PIPE bước đầu đã có chỗ đứng trên thị trường các tỉnh miền Trung và được người tiêu dùng đánh giá chất lượng tốt mặc dù sản lượng và doanh số ở mức thấp và khiêm tốn. Thương hiệu LIMAX CABLE đang trong quá trình xây dựng trên nền tảng chuyển đổi thương hiệu VIET-HAN CABLE CCA.

Năm 2009, VHG đã tập trung phát triển hệ thống phân phối, tập trung chủ yếu tại khu vực miền Trung và Tây nguyên, bước đầu đã đạt được những kết quả khả quan, tạo tiền đề cho năm kế hoạch 2010.

Trong năm tiếp tục thực hiện các hoạt động quảng bá thương hiệu, tiếp xúc khách hàng thông qua việc quảng cáo sản phẩm trên các phương tiện thông tin đại chúng, tổ chức hội thảo, tham gia hội chợ triển lãm chuyên ngành, tham gia tài trợ các chương trình thể thao, hội thảo do các đối tác khách hàng tổ chức, các chương trình mang tính chất cộng đồng, các hoạt động từ thiện: trao tặng nhà tình nghĩa, ủng hộ quỹ người nghèo, khắc phục lũ lụt thiên tai...

Hầu hết các sản phẩm của VHG đã xây dựng được giá bán hợp lý, giao hàng đúng tiến độ theo hợp đồng. Thực hiện tốt các cam kết bảo hành sản phẩm. Khẳng định hình ảnh và thương hiệu VHG thông qua chính sách chất lượng và cam kết toàn diện vì sự hợp tác bền chặt lợi ích lâu dài đối với khách hàng.

### **Xúc tiến đầu tư các dự án trung và dài hạn có trọng tâm**

Thực hiện thay đổi chiến lược kinh doanh dựa trên nhóm ngành lựa chọn và xác định mục tiêu trọng tâm, VHG đã cân nhắc lựa chọn danh mục đầu tư có định hướng đảm bảo mục tiêu ngắn hạn, trung và dài hạn

- Bất động sản và hạ tầng: nghiên cứu khả thi dự án cao ốc căn hộ D'EVELYN tại Đà Nẵng, lựa chọn đơn vị tư vấn thiết kế -Liên doanh ABBO (Việt Nam) và AWP (Singapore) thông qua thi tuyển kiến trúc, tiếp tục hoàn thiện các thủ tục để có thể khởi công dự án trong năm 2010. Hoàn tất thủ tục chuyển nhượng và phát triển dự án tổ hợp công nghiệp-dịch vụ An Lưu (Quảng Nam). Hợp tác chặt chẽ, xúc tiến các thủ tục với đối tác HANDIC và HACISCO để có thể triển khai các dự án cao ốc căn hộ kết hợp với văn phòng tại Hà Nội. Xúc tiến các nghiên cứu và thủ tục để phát triển các dự án đô thị và dịch vụ tại khu vực Đà Nẵng và các tỉnh duyên hải miền Trung
- Trồng cây cao su: tiến hành quy hoạch vùng dự án 4.115 ha, đã đền bù trên 800ha đất, triển khai trồng mới 520ha cây cao su. Theo đánh giá của chuyên gia, cây cao su trồng mới trên vùng dự án tăng trưởng tốt.
- Khai thác và chế biến kim loại màu: xúc tiến khảo sát, nghiên cứu phát triển dự án khai thác đồng tại Bolivia (đang trong giai đoạn nghiên cứu và đàm phán)
- Kế hoạch xây dựng chuỗi nhà máy sản xuất vật liệu trong năm tạm thời không triển khai do: thủ tục đất đai, đánh giá lại hiệu quả đầu tư nhà máy VMC. Tuy nhiên lĩnh vực này sẽ cân đối và điều chỉnh đầu tư vào thời điểm thích hợp.
- Hoàn thiện đầu tư và bổ sung thiết bị sản xuất các sản phẩm mới cho dây chuyền sản xuất gạch ngói nung, dây và cáp điện

Danh mục triển khai đầu tư trong năm 2009 (ĐVT: triệu đồng)

Danh mục	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ (%)
Dự án cao ốc D'evelyn (mua đất, chi phí thiết kế)	60.000	55.200	92,00
Góp vốn cho dự án khu C – Giảng Võ	10.000	-	
Góp vốn cho dự án khu G – Thành Công	5.000	-	
Đầu tư dự án phong điện (mua thiết bị)	40.000	5.700	
Dự án cao su (đền bù 800ha, trồng mới 520ha)	20.000	17.600	88,00
Dự án nhà máy vật liệu xây dựng VMC (quyết toán kinh phí đền bù 20ha, thiết bị, nhà xưởng)	15.000	15.250	101,67
Đầu tư nhà máy công nghệ vật liệu ở Sóc Sơn, quy mô 35 triệu sản phẩm/năm	25.000	-	
Đầu tư nhà máy công nghệ vật liệu ở miền nam, quy mô 35 triệu sản phẩm/năm (KVMT)	25.000	-	
Đầu tư dự án khai thác và chế biến đồng kim loại	40.000	-	
Dự phòng đầu tư khác, trong đó:	40.000	9.950	24,88
- Dự án công nghiệp dịch vụ An Lưu – Quảng Nam (mua lại dự án có quy mô hiện tại 51 ha)		8.600	
- Bổ sung thiết bị khác cho các nhà máy		1.350	
<b>Tổng cộng</b>	<b>280.000</b>	<b>98.000</b>	<b>35,00</b>

### Chia sẻ trách nhiệm với cộng đồng

Với những khó khăn trong năm, tuy nhiên VHG vẫn luôn quan tâm đến các hoạt động hỗ trợ phát triển cộng đồng, đặc biệt là các vùng dự án đang triển khai. Trong đó sử dụng chính cho công tác khuyến học, xây dựng nhà tình thương, ủng hộ đồng bào bị lũ lụt và đặc biệt chia sẻ những khó khăn đối với nhân viên của VHG. Nguồn thực hiện từ sự đóng góp của nhân viên và quỹ khen thưởng phúc lợi từ các năm trước chuyển sang.



## MỤC TIÊU TỔNG THỂ NĂM 2010

### Nhìn nhận và đánh giá

Tình hình kinh tế vĩ mô năm 2010 của Việt Nam sẽ còn nhiều bất ổn: lạm phát, biến động tỷ giá hối đoái, chính sách tiền tệ thiếu ổn định sẽ ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả sản xuất kinh doanh cũng như hoạt động đầu tư của VHG. Chi phí sản xuất sẽ gia tăng đột biến trong khi thị trường tiêu thụ sẽ khó khăn hơn do các biện pháp thắt chặt tiền tệ hạn chế đầu tư của chính phủ. Và do đó, sẽ dẫn đến sự cạnh tranh gay gắt của các nhà sản xuất.

Suy giảm của nền kinh tế thế giới nói chung và suy giảm mục tiêu tăng trưởng của Việt Nam nói riêng sẽ ảnh hưởng rất lớn đến thị trường tiêu thụ các sản phẩm của VHG: cáp điện, ống nhựa, vật liệu xây dựng, bất động sản.

### Định hướng mục tiêu 2010

Với bối cảnh kinh doanh mới và biến động mạnh của kinh tế trong và ngoài nước, việc dự báo sát đúng tình hình và xây dựng các mục tiêu, chỉ tiêu hoạt động của năm 2010 là rất khó khăn, tuy nhiên với quan điểm cần trọng nhằm duy trì hoạt động có hiệu quả với sự kiểm soát rủi ro cao, từng bước vượt qua khó khăn. VHG định hướng như sau:

- Thực thi một chiến lược sản phẩm phù hợp để tạo thế cạnh tranh, tái cấu trúc và điều chỉnh linh hoạt quy mô hoạt động theo chiến lược kinh doanh và kế hoạch sản xuất
- Tiếp tục cải tiến cơ chế hoạt động và quản lý theo hướng chuyên nghiệp và gọn nhẹ
- Tùy theo những diễn biến của thị trường, VHG giám sát đánh giá chặt chẽ kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh của từng nhà máy, từng dòng sản phẩm linh động điều tiết để ứng phó nhanh với sự thay đổi, đồng thời sẵn sàng các biện pháp kịp thời để thúc đẩy, gia tăng doanh số, hiệu quả của từng dòng sản phẩm.

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	2010
Doanh thu	220.000
Lợi nhuận trước thuế	15.000

### Lĩnh vực đầu tư bất động sản và hạ tầng hạ tầng

Tập trung phát triển các dự án bất động sản đang tham gia, trong đó: Tập trung cùng với HANDIC, HACISCO hoàn thiện thủ tục đầu tư phát triển dự án văn phòng kết hợp với căn hộ tại khu C- Giảng Võ, khu G - Thành Công, Hà Nội. Chuẩn bị các điều kiện để khởi công xây dựng cao ốc D'EVELYN với quy mô 35 tầng tại Đà Nẵng trong quý 3 năm 2010. Hoàn thiện thủ tục quy hoạch và định hướng kinh doanh cho dự án tổ hợp công nghiệp dịch vụ An Lưu (Quảng Nam). Nghiên cứu tiến khả thi 2-3 dự án khu đô thị mới và dịch vụ tại khu vực trọng điểm Đà Nẵng, Quảng Nam và các tỉnh duyên hải miền Trung. Xúc tiến thành lập sàn giao dịch bất động sản của VHG trong năm 2010.

### Lĩnh vực trồng cây cao su

Tiếp tục phối hợp tốt với các đơn vị tư vấn, cơ quan chức năng để tiến hành đo đạc, đền bù tài sản trên đất cho dân, hoàn thành các thủ tục giao đất. Phần đầu trong năm 2010 trồng mới được 500 – 1.000ha trong tổng dự án 4.115 ha và hoàn chỉnh bước nghiên cứu chuẩn bị các thủ tục mở rộng thêm 3.000ha.

Lĩnh vực này sẽ nghiên cứu chiều sâu để tìm kiếm cơ hội sản xuất công nghiệp, tạo giá trị gia tăng cao và ổn định lâu dài

### Lĩnh vực khai thác và chế biến kim loại màu

Đây là lĩnh vực định hướng lâu dài của VHG. Năm 2010, tập trung nghiên cứu tiền khả thi việc đầu tư dự án khai thác và chế biến đồng tại Bolivia; đất nước rất giàu trữ lượng quặng đồng

### Lĩnh vực sản xuất

- **Cáp quang:** tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng sản phẩm, thiết kế và đưa ra thị trường các sản phẩm mới có chất lượng cao đáp ứng yêu cầu truyền dẫn chất lượng cao của mạng viễn thông hiện tại và tương lai. Tìm kiếm cơ hội hợp tác ngoài nước để sản xuất cáp đồng viễn thông hoặc thanh lý, chuyển đổi thiết bị để tăng hiệu quả sử dụng tài sản. Nghiên cứu các hình thức đầu tư BO, BT hệ thống viễn thông để khai thác tối đa năng lực sản xuất các sản phẩm chuyên ngành viễn thông của VHG. Lĩnh vực này chú trọng khai thác tối đa công suất dây chuyền và duy trì ổn định trong khoảng thời gian 2 năm đến trước khi thị trường bão hòa và không đầu tư mở rộng.

- **Nhựa và FRP:** đầu tư mở rộng hệ thống phân phối để thúc đẩy doanh số. Gia tăng các biện pháp quản trị sản xuất để kiểm soát định mức, hạ giá thành sản phẩm, nâng cao chất lượng sản phẩm. Tập trung khai thác thị trường trọng tâm tại khu vực miền Trung và Tây nguyên để khai thác hết hiệu quả máy móc thiết bị hiện có, không đầu tư nâng năng lực sản xuất trong giai đoạn này cho dây chuyền sản xuất sản phẩm nhựa. Với các sản phẩm FRP: ống và bồn chứa đã được các khách hàng lựa chọn và đánh giá cao, sẽ tiếp xúc tiến quảng bá bằng nhiều hình thức đối với các chủ đầu tư dự án tiềm năng có sử dụng những sản phẩm này, thay thế cho các loại vật liệu truyền thống khác như ống thép, gang... tiếp tục đầu tư mở rộng dây chuyền sản xuất cho sản phẩm FRP trong năm 2010 theo hướng hiện đại, năng suất cao.

- **Dây và cáp điện:** Gia tăng doanh số tiêu thụ dòng dây CCA trên hệ thống phân phối đã thiết lập. Mục tiêu 2010 là sản xuất đáp ứng các dòng dây điện đồng chất lượng cao và cao cấp có các tính năng nổi trội như chống cháy... Mục tiêu xây dựng dòng sản phẩm này sẽ là nền tảng chủ đạo cho sự phát triển của nhà máy. Xây dựng chiến lược vật tư phù hợp với tình hình diễn biến của thị trường, để tạo thế chủ động trong công tác đấu thầu cung cấp cáp điện lực các loại. Định hướng liên doanh liên kết với các đối tác nước ngoài để xuất khẩu.

- **Gạch ngói:** Thay đổi cơ cấu sản phẩm sản xuất theo hướng nâng cao sản lượng sản phẩm mỏng có giá trị cao như: ngói lợp, gạch trang trí... nhằm gia tăng nhanh chóng hiệu quả sản xuất và hiệu quả đầu tư. Tiếp tục đầu tư nhằm gia tăng năng lực sản xuất các sản phẩm mỏng, vì thị trường tiêu thụ các sản phẩm này có tiềm năng rất lớn, và có thể mở rộng vào thị trường Nam Trung Bộ, Tây Nguyên và Bắc Trung Bộ. Quy hoạch nguồn nguyên liệu đảm bảo cho hoạt động của nhà máy ổn định trong 20 năm.

### Lĩnh vực thương mại

Tập trung chủ yếu là hợp tác kinh doanh với các đối tác đang có lợi thế về thương mại để gia tăng hiệu quả sử dụng vốn. Trong năm, tập trung xây dựng Công ty thương mại hoạt động chính trong lĩnh vực kinh doanh nguyên liệu đầu vào và phân phối sản phẩm cho VHG.

### Các lĩnh vực đầu tư khác

Tham gia liên kết với các đối tác có năng lực và kinh nghiệm trong và ngoài nước để phát triển các dự án mang tính hiệu quả ổn định như năng lượng, hạ tầng... Nghiên cứu và đưa ra giải pháp đầu tư, liên doanh liên kết vào các lĩnh vực dài hạn, lợi nhuận ổn định như cây công nghiệp cao su, nguyên liệu giấy... Quan điểm đầu tư thận trọng không dàn trải

### Tiếp tục đầu tư để phát triển bền vững

Để đảm bảo duy trì và tạo đà phát triển VHG trong các năm tiếp theo, trong năm 2010 cần triển khai các danh mục đầu tư sau:

ĐVT: triệu đồng

Danh mục	Kinh phí đầu tư	Thời gian hoàn thành
<p>Dự án D'EVELYN Đà Nẵng (Chi phí thiết kế, xây lắp hoàn thiện phần móng)</p> <p>Vị trí đất: 3 mặt tiền, nằm trên trục chính Lê Duẩn- Đà Nẵng, cách cầu Sông Hàn 100m.</p> <p>Quy mô: diện tích đất 3.000m<sup>2</sup>, xây dựng 35 tầng nổi – 2 tầng hầm, diện tích sàn 65.000m<sup>2</sup>, cung ứng 360 căn hộ. Giá trị đầu tư dự kiến 750 tỷ đồng</p>	60.000	31/12/2010
<p>Dự án tổ hợp công nghiệp và dịch vụ An Lưu - Quảng Nam (chi phí quy hoạch, đầu tư san lấp mặt bằng, mở rộng quy mô đến 250ha)</p> <p>Vị trí: nằm trên trục đường chính nối Hội An – Đà Nẵng, cách Đà Nẵng 17km</p> <p>Quy mô: hiện tại 51ha, đang trình thủ tục mở rộng 250ha với loại hình công nghiệp- dịch vụ và đô thị</p>	10.000	31/12/2010
<p>Dự án G – Thành Công, C – Giảng Võ – Hà Nội (chi phí quy hoạch và hoàn thiện thủ tục)</p> <p>Vị trí: trung tâm Hà Nội</p> <p>Quy mô: mỗi dự án 2 khối nhà cao tầng từ 15-18 tầng, loại hình căn hộ kết hợp văn phòng.</p> <p>Hình thức đầu tư: hợp tác với HANDIC và HACISCO (VHG chiếm 40-60%)</p>	5.000	31/12/2010

Dự án khai thác và chế biến đồng tại Bolivia	20.000	31/12/2010
Quy mô: GĐ1 10.000 tấn/năm		
Hình thức đầu tư: đầu tư NN, 85-100% vốn VHG		
Đền bù 1.500 ha, trồng mới 500-1.000 ha cao su, chăm sóc vườn cao su năm 2 và năm 3	50.000	31/12/2010
Vị trí: huyện Đông Giang – Quảng Nam		
Quy mô: 4.115 ha		
Hình thức đầu tư: 100% vốn VHG		
Đầu tư TSCĐ bổ sung cho các nhà máy	10.000	31/12/2010
Các dự án khác	20.000	31/12/2010
Tổng cộng:	<b>175.000</b>	

### Kế hoạch tài trợ vốn

ĐVT: triệu đồng

Danh mục	Kinh phí
<b>Tổng nhu cầu vốn</b>	<b>545.000</b>
Vốn lưu động	100.000
Nhu cầu đầu tư bình quân năm 2009	175.000
Tài sản đã đầu tư	270.000
<b>Tổng nguồn vốn tự có</b>	<b>450.000</b>
Vốn chủ sở hữu	437.000
Lợi nhuận bình quân 2009 tài trợ vốn	13.000
<b>Chênh lệch</b>	<b>(95.000)</b>

Trên cơ sở cân đối nguồn vốn đảm bảo cho hoạt động sản xuất kinh doanh và hoạt động đầu tư theo tiến độ, Công ty sẽ tài trợ vốn một phần từ nguồn chủ sở hữu, phần còn sử dụng nguồn vốn vay (dự án cao su đang xúc tiến thủ tục vay theo dự án của nhà nước).

## **CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN MỤC TIÊU KẾ HOẠCH 2010**

Để thực hiện thành công mục tiêu kế hoạch 2010, VHG tập trung vào các giải pháp cụ thể như sau:

### **Giải pháp tài chính**

Xây dựng tốt kế hoạch tài chính, giám sát chẽ công tác thực hiện, quản lý dòng tiền một cách linh hoạt và hiệu quả. Tăng cường công tác theo dõi, đôn đốc và kiểm soát công nợ.

Đẩy mạnh việc quản trị chi phí, tiết kiệm chi tiêu. Trong đó, chú trọng trong công tác tiêu hao nguyên vật liệu, năng suất lao động... góp phần giảm giá thành sản phẩm.

Đối với công tác đầu tư, cần phải rà soát và quản lý chặt chẽ danh mục đầu tư, chú trọng và ưu tiên tập trung những hạng mục nhanh chóng tạo ra sản phẩm góp phần tăng trưởng doanh thu trong năm.

Đa dạng hoá kênh huy động vốn, tận dụng vốn vay ưu đãi của chính phủ đối với các dự án thuộc đối tượng được vay tín dụng ưu đãi hoặc được hỗ trợ lãi suất. Chia sẻ dự án để quản trị rủi ro các dự án.

Nâng cao năng lực phân tích tài chính, làm cơ sở cho các quyết định đầu tư hiệu quả, nhất là trong xác định giá đầu vào cho sản xuất và các lĩnh vực tài chính, chứng khoán

Liên doanh, liên kết với các tổ chức có năng lực tài chính để thực thi các dự án đạt hiệu quả cao.

### **Giải pháp về tổ chức, quản lý**

Duy trì những điều chỉnh lớn trong năm 2009 về quản trị công ty và tiếp tục cải cách mạnh mẽ bộ máy quản lý các cấp theo quy chế quản trị mục tiêu của VHG. Theo đó, Công ty giao quyền tự chủ cho các Giám đốc nhà máy, dự án trong điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời tăng cường công tác kiểm tra kiểm soát bằng hệ thống các công cụ được thiết lập đồng bộ với quy chế quản trị.

Thực hiện cơ chế giao nguồn lực cho các nhà máy, bộ phận trong VHG. Xây dựng chương trình, lập dự toán ngân sách tài chính, nguyên vật liệu, lao động tiền lương, kế hoạch triển khai hoạt động... của từng bộ phận, từng đơn vị thành viên theo tiến độ từng quý, tháng.

Đẩy mạnh việc xây dựng hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ, tăng cường giám sát hoạt động các mặt hoạt động của các nhà máy, bộ phận chức năng, kịp thời điều chỉnh và chấn chỉnh

Tạo môi trường làm việc thuận lợi, hấp dẫn nhất tại VHG thông qua việc xây dựng văn hoá doanh nghiệp, bản sắc riêng Công ty, cơ chế đào tạo, thu nhập....

Nâng cấp hệ thống trao đổi và cung cấp thông tin nhằm nâng cao hiệu quả của thông tin trong công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của VHG bằng việc ứng dụng các phần mềm hiện đại, các giải pháp mới ERP...

Tiếp tục đẩy mạnh công tác R&D, đề ra những chương trình cải tiến thiết thực

Tiếp tục duy trì và liên tục cải tiến hệ thống quản trị chất lượng ISO tại VHG

### Giải pháp về nguồn lực

Thu hút thêm nhân sự ở các vị trí quản trị cấp điều hành hiện tại còn yếu thông qua cơ chế đãi ngộ và tạo môi trường làm việc thuận lợi cho các nhân sự ở các vị trí này.

Xây dựng đội ngũ kế cận cho các cấp quản lý, chuẩn bị nguồn nhân lực theo kịp quá trình phát triển của VHG.

Đánh giá năng lực và tuyển dụng mới lao động cho bộ phận kinh doanh ở tất cả các nhà máy và dự án. Xem đây là lực lượng nòng cốt, then chốt trong công tác bán hàng và giải pháp về marketing của Công ty.

Tiếp tục đào tạo nâng cao trình độ, nghiệp vụ cho toàn thể CBCNV trong tất cả các lĩnh vực

### Giải pháp về thị trường

Tập trung đầu tư cho chiến lược xây dựng và phát triển thương hiệu VHG, phát triển hệ thống kênh phân phối sâu rộng cho từng nhóm sản phẩm có sự tương tác hỗ trợ lẫn nhau.

Nâng cao vai trò của marketing, PR trong việc đưa ra định hướng chiến lược cho hoạt động sản xuất kinh doanh tại VHG. Trong năm triển khai chương trình quảng bá sản phẩm có trọng tâm. Xây dựng và định vị các thương hiệu mới cho các dòng sản phẩm của VHG.

Duy trì thường xuyên chính sách chăm sóc khách hàng truyền thống và không ngừng tìm kiếm phát triển thêm khách hàng mới, khách hàng tiềm năng...

Chú trọng hơn nữa việc thiết kế nhận dạng thương hiệu, công tác PR, công tác IR. Qua đó thay đổi và tạo dựng hình ảnh VHG với bộ mặt mới ngày càng có sức hút lớn hơn.

Xây dựng nhãn hiệu cho từng dòng sản phẩm, dịch vụ của VHG. Có kế hoạch quảng bá cho từng dự án cụ thể.

Tổng giám đốc



**Huỳnh Tấn Chung**



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

## Báo cáo tài chính đã được kiểm toán

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Việt Hàn công bố báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009.

#### Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Việt Hàn (sau đây gọi tắt là "Công ty") là Công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 33030700039 ngày 14 tháng 07 năm 2003 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Nam (từ ngày thành lập đến nay Công ty đã có 8 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 11 tháng 5 năm 2009).

Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Công ty được chấp thuận niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo quyết định số 06/QĐ-SGDHCM ngày 09/01/2008 của Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán VHG. Ngày chính thức giao dịch của cổ phiếu là 09/01/2008.

**Vốn điều lệ:** 250.000.000.000 đồng.

#### Trụ sở chính

- Địa chỉ: Lô 4, Khu Công nghiệp Điện Nam – Điện Ngọc, Huyện Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam
- Điện thoại: (84) 0510 3947234
- Fax: (84) 0510 3946333
- Email: [vhc@viet-hancorp.com.vn](mailto:vhc@viet-hancorp.com.vn)
- Website: [viet-hancorp.com.vn](http://viet-hancorp.com.vn) ([vhg.com.vn](http://vhg.com.vn))

#### Ngành nghề kinh doanh chính

- Sản xuất dây cáp các loại, cáp sợi quang học;
- Hoạt động viễn thông có dây và không dây;
- Sản xuất cáp điện và dây điện có bọc cách điện khác, các thiết bị điện thoại;
- Thủy điện, sản xuất điện khác (điện phong...);
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- Sản xuất ống nhựa cứng, ống nhựa mềm, các sản phẩm từ plastic;
- Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh;
- Khai thác quặng đồng;



- Xây dựng công trình dân dụng, giao thông, kỹ thuật;
- Mua bán các thiết bị điện tử viễn thông, thiết bị điện tử điều khiển, thiết bị phát sóng, linh kiện điện thoại;
- Mua bán kim loại, quặng kim loại, thiết bị điện lạnh và cơ điện;
- Mua bán chứng khoán;
- Đầu tư kinh doanh đường giao thông, cầu, phà, đường thủy, đường bộ, đường sắt;
- Cho thuê đất, nhà ở, cho thuê nhà phục vụ mục đích kinh doanh, kinh doanh bất động sản;
- Trồng cây cao su;
- Trồng rừng và chăm sóc rừng lấy gỗ, khai thác gỗ
- Khai thác quặng sắt, quặng kim loại, khai thác đất đá, cát, sỏi, sạn;
- Sản xuất kim loại màu và kim loại quý;
- Sản xuất các sản phẩm chịu lửa, vật liệu XD từ đất sét, sản phẩm gốm sứ, thạch cao, xi măng, bê tông;
- Sản xuất bột giấy, giấy và bì, mua bán giấy các loại;
- Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ.

### **Nhân sự**

Tổng số công nhân viên hiện có đến ngày 31/12/2009 là 546 người. Trong đó, nhân viên gián tiếp là 179 người.

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập các Báo cáo này gồm có:

### **Hội đồng quản trị**

- |                       |                   |                              |
|-----------------------|-------------------|------------------------------|
| • Ông Đinh Công Trọng | Chủ tịch HĐQT     | Bổ nhiệm lại ngày 29/03/2008 |
| • Ông Huỳnh Tấn Chung | Phó Chủ tịch HĐQT | Bổ nhiệm lại ngày 29/03/2008 |
| • Ông Lê Kông Minh    | Ủy viên           | Bổ nhiệm ngày 29/03/2008     |
| • Ông Trần Đình Chinh | Ủy viên           | Bổ nhiệm lại ngày 29/03/2008 |
| • Ông Phạm Hữu Xuân   | Ủy viên           | Bổ nhiệm ngày 29/03/2008     |

### **Ban kiểm soát**

- |                         |            |                              |
|-------------------------|------------|------------------------------|
| • Bà Đinh Thị Thúy Hạnh | Trưởng ban | Bổ nhiệm lại ngày 29/03/2008 |
| • Ông Phạm Ngọc Hiệp    | Ủy viên    | Bổ nhiệm lại ngày 29/03/2008 |
| • Ông Doãn Văn Thụy     | Ủy viên    | Bổ nhiệm lại ngày 29/03/2008 |

**Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng**

- |                          |                |  |
|--------------------------|----------------|--|
| • Ông Huỳnh Tấn Chung    | Tổng giám đốc  | Bổ nhiệm ngày 01/01/2006                               |
| • Ông Nguyễn Đông        | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm ngày 01/03/2007<br>Miễn nhiệm ngày 31/01/2010 |
| • Bà Nguyễn Thị Thu Thảo | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm ngày 01/02/2010                               |

**Kiểm toán độc lập**

Các Báo cáo tài chính này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính 217 Nguyễn Văn Linh, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0511.3655886; Fax: (84) 0511.3655887; Website: [www.aac.com.vn](http://www.aac.com.vn); Email: [aac@dng.vnn.vn](mailto:aac@dng.vnn.vn)).

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc trong việc lập các Báo cáo tài chính**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập các Báo cáo tài chính trên nguyên tắc hoạt động liên tục.

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Các Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2009 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

**Thay mặt Ban Tổng Giám đốc**

Tổng Giám đốc



**Huỳnh Tấn Chung**

Quảng Nam, ngày 31 tháng 03 năm 2010



Số: 520/BCKT-AAC

Đà Nẵng, ngày 31 tháng 03 năm 2010

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN**

**Kính gửi: Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các cổ đông**

**Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Việt Hàn**

Chúng tôi đã kiểm toán các Báo cáo tài chính năm 2009, gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2009, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Việt Hàn (sau đây gọi tắt là "Công ty") đính kèm từ trang 5 đến trang 27. Các Báo cáo tài chính này được lập theo Chế độ kế toán Việt Nam.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty và của Kiểm toán viên**

Việc lập các Báo cáo tài chính này là trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là dựa trên các bằng chứng kiểm toán để đưa ra ý kiến độc lập của mình về tính trung thực và hợp lý của các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán.

### **Cơ sở đưa ra ý kiến**

Chúng tôi đã tiến hành công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Theo đó, chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong các Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của mình.

### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên mọi khía cạnh trọng yếu thì các Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2009 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2009, phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

  
**Ông giám đốc**  
  
**Phan Xuân Vạn**  
(Chung chi Kiểm toán viên số Đ.0102/KTV)



**Lâm Quang Tú**  
Kiểm toán viên

Chung chi KTV số 1031/KTV

**BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN****Ngày 31 tháng 12 năm 2009**

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>256.570.540.555</b>	<b>297.124.670.022</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>38.503.729.349</b>	<b>40.258.065.219</b>
1. Tiền	111		20.953.729.349	10.258.065.219
2. Các khoản tương đương tiền	112		17.550.000.000	30.000.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>6</b>	<b>1.811.796.837</b>	<b>9.662.897.700</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		1.902.998.837	11.366.670.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(91.202.000)	(1.703.772.300)
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>119.231.860.322</b>	<b>156.402.005.247</b>
1. Phải thu khách hàng	131		88.774.612.633	115.240.273.609
2. Trả trước cho người bán	132		29.945.642.274	40.740.967.716
3. Các khoản phải thu khác	135	7	511.605.415	420.763.922
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>90.424.300.728</b>	<b>87.674.931.471</b>
1. Hàng tồn kho	141	8	90.424.300.728	87.674.931.471
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>6.598.853.319</b>	<b>3.126.770.385</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		114.583.960	22.009.585
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		439.924.903	1.085.517.212
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	9	301.081.865	301.081.865
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	10	5.743.262.591	1.718.161.723
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>270.721.210.483</b>	<b>189.846.829.853</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>265.128.174.336</b>	<b>175.779.157.060</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	134.495.021.063	118.777.939.896
- Nguyên giá	222		201.377.141.547	168.780.486.288
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(66.882.120.484)	(50.002.546.392)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	91.518.720.145	414.496.341
- Nguyên giá	228		91.747.086.775	483.716.060
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(228.366.630)	(69.219.719)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	13	39.114.433.128	56.586.720.823
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>	<b>14</b>	<b>55.457.504</b>	<b>85.723.400</b>
- Nguyên giá	241		151.329.508	151.329.508
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(95.872.004)	(65.606.108)
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>2.055.375.000</b>	<b>9.055.375.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư dài hạn khác	258	15	2.055.375.000	9.055.375.000
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>3.482.203.643</b>	<b>4.926.574.393</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	16	3.482.203.643	4.926.574.393
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>527.291.751.038</b>	<b>486.971.499.875</b>

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>89.942.117.419</b>	<b>47.673.000.000</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>89.942.117.419</b>	<b>47.673.000.000</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	17	30.435.337.212	30.435.337.212
2. Phải trả người bán	312		51.454.323.300	46.656.000.000
3. Người mua trả tiền trước	313		4.962.942.454	336.000.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	18	689.888.674	381.000.000
5. Phải trả người lao động	315		811.615.362	811.615.362
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	19	1.588.010.417	299.800.000
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>437.349.633.619</b>	<b>439.297.000.000</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>20</b>	<b>436.829.624.448</b>	<b>434.031.000.000</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		250.000.000.000	250.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		175.000.000.000	175.000.000.000
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		814.163.869	814.163.869
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		200.881.676	200.881.676
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		7.622.619.380	7.622.619.380
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		3.191.959.523	1.208.000.000
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>520.009.171</b>	<b>5.266.000.000</b>
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		520.009.171	5.266.000.000
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>527.291.751.038</b>	<b>486.971.000.000</b>

Tổng giám đốc



**Huỳnh Tấn Chung**

Quảng Nam, ngày 31 tháng 03 năm 2010

Kế toán trưởng

**Nguyễn Thị Thu Thảo**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH****Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>21</b>	<b>190.743.881.393</b>	<b>289.103.334.245</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		1.705.102.166	1.726.246.309
3. Doanh thu thuần về bán hàng và CC dịch vụ	10		189.038.779.227	287.377.087.936
4. Giá vốn hàng bán	11	22	164.841.796.119	286.912.351.288
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và CC dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>24.196.983.108</b>	<b>464.736.648</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	5.208.019.515	14.320.305.950
7. Chi phí tài chính	22	24	3.870.586.391	8.519.938.859
- Trong đó: Chi phí lãi vay		23	1.041.096.008	2.609.077.654
8. Chi phí bán hàng	24		11.145.334.693	8.397.413.143
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		13.112.497.856	16.079.815.364
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>1.276.583.683</b>	<b>(18.212.124.768)</b>
11. Thu nhập khác	31	25	2.032.284.404	885.838.209
12. Chi phí khác	32	26	1.325.057.978	92.552.609
<b>13. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>707.226.426</b>	<b>793.285.600</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>	<b>27</b>	<b>1.983.810.109</b>	<b>(17.418.839.168)</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>	<b>27</b>	<b>1.983.810.109</b>	<b>(17.418.839.168)</b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		79	(697)

Tổng giám đốc

Kế toán trưởng

**Huỳnh Tấn Chung**

Quảng Nam, ngày 31 tháng 03 năm 2010

**Nguyễn Thị Thu Thảo**

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ****Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009**

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01	266.443.899.510	422.416.414.532
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02	(223.847.389.914)	(343.685.412.399)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(13.865.734.095)	(12.515.609.059)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(1.041.096.008)	(2.609.077.654)
5. Tiền chi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp	05	-	(334.170.833)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	20.351.444.530	23.139.906.950
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(50.316.569.196)	(53.585.645.300)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(2.275.445.173)</b>	<b>32.826.406.237</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	(39.309.720.685)	(79.976.898.387)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(1.000.000.000)	(17.500.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24	6.900.000.000	15.904.199.129
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(7.000.000.000)
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.580.296.640	11.841.311.791
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(29.829.424.045)</b>	<b>(76.731.387.467)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	48.974.894.467	94.140.186.225
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(18.539.557.255)	(94.140.186.225)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(50.000.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>30.435.337.212</b>	<b>(50.000.000.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>(1.669.532.006)</b>	<b>(93.904.981.230)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>40.258.065.219</b>	<b>134.161.950.814</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(84.803.864)	1.095.635
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>38.503.729.349</b>	<b>40.258.065.219</b>

Tổng giám đốc

**Huỳnh Tấn Chung**

Quảng Nam, ngày 31 tháng 03 năm 2010

Kế toán trưởng

**Nguyễn Thị Thu Thảo**

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 1. Đặc điểm hoạt động

Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Việt Hàn (sau đây gọi tắt là "Công ty") là Công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 33030700039 ngày 14 tháng 07 năm 2003 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Nam (từ ngày thành lập đến nay Công ty đã có 8 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 11 tháng 5 năm 2009).

Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

#### **Ngành nghề kinh doanh chính**

- Sản xuất dây cáp các loại, cáp sợi quang học;
- Hoạt động viễn thông có dây và không dây;
- Sản xuất cáp điện và dây điện có bọc cách điện khác, các thiết bị điện thoại;
- Thủy điện, sản xuất điện khác (điện phong...);
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- Sản xuất ống nhựa cứng, ống nhựa mềm, các sản phẩm từ plastic;
- Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh;
- Khai thác quặng đồng;
- Xây dựng công trình dân dụng, giao thông, kỹ thuật;
- Mua bán các thiết bị điện tử viễn thông, thiết bị điện tử điều khiển, thiết bị phát sóng, linh kiện điện thoại;
- Mua bán kim loại, quặng kim loại, thiết bị điện lạnh và cơ điện;
- Mua bán chứng khoán;
- Đầu tư kinh doanh đường giao thông, cầu, phà, đường thủy, đường bộ, đường sắt;
- Cho thuê đất, nhà ở, cho thuê nhà phục vụ mục đích kinh doanh, kinh doanh bất động sản;
- Trồng cây cao su;
- Trồng rừng và chăm sóc rừng lấy gỗ, khai thác gỗ
- Khai thác quặng sắt, quặng kim loại, khai thác đất đá, cát, sỏi, sạn;
- Sản xuất kim loại màu và kim loại quý;
- Sản xuất các sản phẩm chịu lửa, vật liệu XD từ đất sét, sản phẩm gốm sứ, thạch cao, xi măng, bê tông;
- Sản xuất bột giấy, giấy và bì, mua bán giấy các loại;
- Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ.



## 2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính và các nghiệp vụ kế toán được lập và ghi sổ bằng Đồng Việt Nam (VND).

## 3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam, ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Hình thức kế toán: Chứng từ ghi sổ.

## 4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

### 4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### 4.2 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng tại thời điểm phát sinh. Các tài khoản có số dư ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ của các khoản nợ dài hạn được phản ánh vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ của tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, các khoản nợ ngắn hạn thì để lại số dư trên báo cáo tài chính, đầu năm sau ghi bút toán ngược lại để xóa số dư.

### 4.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

### 4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

#### 4.5 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh và các khoản đầu tư tài chính khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán được lập cho các loại chứng khoán đầu tư của Công ty bị giảm giá tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư dài hạn được lập cho các khoản vốn Công ty đang đầu tư vào các tổ chức kinh tế khác nếu các tổ chức kinh tế này bị lỗ tại ngày kết thúc niên độ kế toán (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư).

Việc trích lập dự phòng thực hiện theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

#### 4.6 Tài sản cố định hữu hình

##### Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

##### Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Mức khấu hao phù hợp với Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12 tháng 12 năm 2003 của Bộ Tài chính.

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)	
	Năm 2009	Năm 2008
Nhà cửa, vật kiến trúc	10	5 - 7
Máy móc, thiết bị	10	5
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3 - 6	5 - 6,5
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 5	3 - 4
Tài sản cố định khác	3 - 7	4 - 7,5

#### 4.7 Tài sản cố định vô hình

##### **Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình khi Công ty được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định được phản ánh theo nguyên giá và không tính khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời gian sử dụng (thời hạn thuê) được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Mức khấu hao tùy thuộc vào thời gian thuê đất.

##### **Các tài sản cố định vô hình khác**

Các tài sản cố định vô hình khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Khấu hao của tài sản cố định vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Tỷ lệ khấu hao phù hợp với Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12 tháng 12 năm 2003 của Bộ Tài chính.

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (%)
Phần mềm máy tính	33,33

#### 4.8 Bất động sản đầu tư

##### **Nguyên giá**

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá của bất động sản đầu tư nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

##### **Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Mức khấu hao phù hợp với Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12 tháng 12 năm 2003 của Bộ Tài chính.

Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng phù hợp với thời hạn của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

#### 4.9 Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán. Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

#### 4.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

#### **4.11 Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm**

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc cho khoảng thời gian người lao động làm việc tại Công ty tính đến thời điểm 31/12/2008. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là từ 1% đến 3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí trong kỳ. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trợ cấp thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

Quỹ dự phòng về trợ cấp mất việc làm được Công ty trích lập theo quy định tại Thông tư số 82/2003/TT-BTC ngày 14/08/2003 của Bộ Tài chính.

#### **4.12 Chi phí vay**

Chi phí đi vay trong giai đoạn đầu tư xây dựng các công trình xây dựng cơ bản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó. Khi công trình hoàn thành thì chi phí đi vay được tính vào chi phí tài chính trong kỳ.

Tất cả các chi phí đi vay khác được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ khi phát sinh.

#### **4.13 Phân phối lợi nhuận thuần**

Lợi nhuận thuần sau thuế (sau khi trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty và các quy định pháp lý của Việt Nam) được chia cho các cổ đông theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông

#### **4.14 Ghi nhận doanh thu**

- Doanh thu công trình xây dựng được ghi nhận trên cơ sở tiền thực thu được.
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
  - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
  - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
  - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
  - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

#### **4.15 Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi

nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

#### 4.16 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- **Thuế Giá trị gia tăng:** Áp dụng mức thuế suất 10% đối với hoạt động bán cáp treo chống ẩm có dầu. Các hoạt động khác áp dụng thuế suất theo quy định.
- **Thuế Thu nhập doanh nghiệp:**
  - ✓ Đối với dự án đầu tư sản xuất thành phẩm cáp: Công ty áp dụng thuế suất Thuế Thu nhập doanh nghiệp là 15% trong thời hạn 08 năm kể từ năm 2007 (năm 2007 đến năm 2014), được miễn thuế Thu nhập doanh nghiệp trong thời gian 3 năm kể từ khi có Thu nhập chịu thuế và giảm 50% trong 7 năm tiếp theo. Năm 2005 là năm đầu tiên Công ty có Thu nhập chịu thuế, do đó Công ty được miễn thuế Thu nhập doanh nghiệp trong 3 năm 2005, 2006, 2007 và giảm 50% thuế TNDN trong 7 năm tiếp theo (năm 2008 đến năm 2014).
  - ✓ Đối với các Dự án đầu tư mở rộng: Được miễn thuế 01 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 04 năm tiếp theo đối với phần thu nhập tăng thêm do đầu tư mang lại. Thời gian miễn thuế, giảm thuế TNDN được tính từ năm dự án đầu tư hoàn thành bắt đầu đưa vào sản xuất, kinh doanh.
  - ✓ Đối với hoạt động bán hàng hóa thương mại và cho thuê Bất động sản đầu tư: Công ty áp dụng mức thuế suất Thuế Thu nhập doanh nghiệp theo quy định hiện hành.
- **Tiền thuê đất:**
  - + Theo Hợp đồng thuê lại đất số 33/HĐTLĐ ngày 28/08/2003 đã ký giữa Công ty Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp QNĐN và Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Việt Hàn, Công ty thuê tổng cộng 20.000 m<sup>2</sup> đất tại Lô số 4, Khu công nghiệp Điện Nam – Điện Ngọc, Tỉnh Quảng Nam với giá tiền thuê đất là 0,6 USD/m<sup>2</sup>/năm. Công ty được miễn tiền thuê đất đến hết ngày 31/12/2007, thời gian còn lại 38 năm Công ty trả tiền thuê đất 6 năm một lần vào tháng đầu tiên của mỗi lần.
  - + Hợp đồng thuê đất số 92/HĐTLĐ ngày 01/7/2007 và số 288/HĐTLĐ ngày 30/11/2007 đã ký giữa Công ty Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp QNĐN và Công ty Cổ phần Đầu tư

và Sản xuất Việt Hàn, Công ty thuê tổng cộng 43.800m<sup>2</sup> đất với thời hạn thuê 39 năm, giá thuê 0,6USD/m<sup>2</sup>/năm. Tiền thuê đất trả 06 năm một lần.

- Các loại Thuế khác và Lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

#### 4.17 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

### 5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
Tiền mặt	1.028.242.728	416.143.687
Tiền gửi ngân hàng	19.925.486.621	9.841.921.532
Các khoản tương đương tiền	17.550.000.000	30.000.000.000
<i>Tiền gửi có kỳ hạn dưới 90 ngày</i>	<i>17.550.000.000</i>	<i>30.000.000.000</i>
<b>Cộng</b>	<b><u>38.503.729.349</u></b>	<b><u>40.258.065.219</u></b>

### 6. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
Chứng khoán đầu tư ngắn hạn (*)	602.998.837	4.166.670.000
<i>Cổ phiếu các loại</i>	<i>602.998.837</i>	<i>4.166.670.000</i>
Đầu tư ngắn hạn khác	1.300.000.000	7.200.000.000
<i>Cho vay: + Công ty Đầu tư Viễn thông tin học Bưu điện</i>	<i>300.000.000</i>	<i>6.500.000.000</i>
<i>+ Công ty CP XLPTDV Bưu điện Quảng Nam</i>	<i>1.000.000.000</i>	<i>700.000.000</i>
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(91.202.000)	(1.703.772.300)
<b>Cộng</b>	<b><u>1.811.796.837</u></b>	<b><u>9.662.897.700</u></b>

(\*) Là các cổ phiếu đã niêm yết, việc trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư được thực hiện như sau:

Mã cổ phiếu	Số lượng CP	Giá trị sổ sách VND	Đơn giá sổ sách VND/CP	Thị giá VND/CP	Dự phòng VND
ACB	255	2.658.837	10.427	37.100	0
PAC	3.000	232.500.000	77.500	74.000	10.500.000
VSH	2.500		0	16.700	0
BVH	730	35.040.000	48.000	30.600	12.702.000
MPC	8.000	332.800.000	41.600	33.100	68.000.000
<b>Cộng</b>		<b>602.998.837</b>			<b>91.202.000</b>

## 7. Các khoản phải thu khác

	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
Lãi dự thu của tiền gửi có kỳ hạn	20.644.374	-
BHXH, BHYT phải thu người lao động	34.588.617	
Công ty CP Điện tử - Viễn thông - Tin học Bưu điện	360.703.333	269.678.333
Công ty Xây lắp và PTDV bưu điện Quảng Nam	-	139.453.889
Phải thu khác	95.669.091	11.631.700
<b>Cộng</b>	<b>511.605.415</b>	<b>420.763.922</b>

## 8. Hàng tồn kho

	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
Nguyên liệu, vật liệu	46.281.773.403	48.102.108.813
Công cụ, dụng cụ	269.652.611	308.983.745
Chi phí SX, KD dở dang	16.827.908.785	19.855.838.656
Thành phẩm	23.473.234.622	19.092.767.340
Hàng hóa	2.709.724.889	315.232.917
Hàng gửi đi bán	862.006.418	-
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>90.424.300.728</b>	<b>87.674.931.471</b>

**9. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước**

	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	301.081.865	301.081.865
<b>Cộng</b>	<b><u>301.081.865</u></b>	<b><u>301.081.865</u></b>

**10. Tài sản ngắn hạn khác**

	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
Tạm ứng	3.128.606.394	1.387.218.277
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.614.656.197	330.943.446
<b>Cộng</b>	<b><u>5.743.262.591</u></b>	<b><u>1.718.161.723</u></b>



**11. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	P.tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>						
Số đầu năm	40.123.781.676	114.112.929.597	5.503.301.466	1.143.436.222	7.897.037.327	168.780.486.288
Tăng trong năm	11.090.310.409	20.254.348.391	1.594.746.815	230.466.329	668.540.406	33.838.412.350
Mua sắm	6.971.639.557	13.662.863.568	1.594.746.815	230.466.329	641.032.293	23.100.748.562
XDCB h/thành	4.118.670.852	6.523.060.823	-	-	27.508.113	10.669.239.788
Tăng khác	-	68.424.000	-	-	-	68.424.000
Giảm trong năm	-	224.460.364	1.017.296.727	-	-	1.241.757.091
T/ly, nhượng bán	-	224.460.364	1.017.296.727	-	-	1.241.757.091
<b>Số cuối năm</b>	<b>51.214.092.085</b>	<b>134.142.817.624</b>	<b>6.080.751.554</b>	<b>1.373.902.551</b>	<b>8.565.577.733</b>	<b>201.377.141.547</b>
<b>Khấu hao</b>						
Số đầu năm	8.163.235.018	37.442.833.002	1.756.155.172	628.784.708	2.011.538.492	50.002.546.392
KH trong năm	4.276.981.973	9.978.927.537	1.205.627.439	350.039.817	1.614.092.303	17.425.669.069
Giảm trong năm	-	37.192.658	508.902.319	-	-	546.094.977
T/ly, nhượng bán	-	37.192.658	508.902.319	-	-	546.094.977
<b>Số cuối năm</b>	<b>12.440.216.991</b>	<b>47.384.567.881</b>	<b>2.452.880.292</b>	<b>978.824.525</b>	<b>3.625.630.795</b>	<b>66.882.120.484</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số đầu năm	31.960.546.658	76.670.096.595	3.747.146.294	514.651.514	5.885.498.835	118.777.939.896
<b>Số cuối năm</b>	<b>38.773.875.094</b>	<b>86.758.249.743</b>	<b>3.627.871.262</b>	<b>395.078.026</b>	<b>4.939.946.938</b>	<b>134.495.021.063</b>

Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 450.311.658 đồng.

Như đã trình bày tại Thuyết minh 4.6, năm 2009, Công ty đã điều chỉnh mức khấu hao đối với một số tài sản cố định. Đây là các máy móc thiết bị và nhà cửa vật kiến trúc hạch toán tăng tài sản cố định từ năm 2008. Việc điều chỉnh mức khấu hao này làm cho chi phí khấu hao năm 2009 giảm 12.130.082.107 đồng so với mức khấu hao năm trước.

**12. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	-	483.716.060	483.716.060
Tăng trong năm	91.231.587.676	31.783.039	91.263.370.715
Mua trong năm	91.231.587.676	31.783.039	91.263.370.715
Giảm trong năm	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>91.231.587.676</b>	<b>515.499.099</b>	<b>91.747.086.775</b>
<b>Khấu hao</b>			
Số đầu năm	-	69.219.719	69.219.719
Khấu hao trong năm	-	159.146.911	159.146.911
Giảm trong năm	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>228.366.630</b>	<b>228.366.630</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	-	414.496.341	414.496.341
<b>Số cuối năm</b>	<b>91.231.587.676</b>	<b>287.132.469</b>	<b>91.518.720.145</b>

Quyền sử dụng đất tăng trong năm là giá trị quyền sử dụng đất tại số 09 Lê Duẩn, Phường Hải Châu 1, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AO768418 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 07/12/2009.

**13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
Dây chuyền tạo hình (10 triệu viên/năm)		1.362.500.000
Dây chuyền tạo hình (30 triệu viên/năm)		3.983.030.000
Năng cấp lò cũ tại NM Công nghệ vật liệu		820.352.285
Lò 30 triệu viên / năm		2.872.400.000
Máy cân bằng đồng	29.336.549	-
Máy bện ADSS số 2	41.283.000	-
Phí đền bù, san lấp mặt bằng NM Công nghệ vật liệu	3.618.282.705	2.759.798.046
Máy đùn nhựa	678.993.154	669.618.154
Bất động sản đầu tư (KCN An Lưu)	8.523.471.935	1.311.880.909
Thiết bị phong điện	5.751.428.154	5.730.148.423
Dự án trồng 15ha cao su (giai đoạn 1)	1.013.744.412	923.526.952
Dự án trồng 15ha cao su (giai đoạn 2)	4.094.539.746	-
Chi phí Ban quản lý dự án trồng cây cao su	3.086.873.731	-
Chi phí giải phóng mặt bằng DA trồng cây cao su	10.636.902.003	-
Mua sắm TSCĐ: Lô đất số 09 Lê Duẩn	-	36.031.818.181
Dự án cao ốc Lotus Plaza	1.629.962.455	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác	9.615.284	121.647.873
<b>Cộng</b>	<b>39.114.433.128</b>	<b>56.586.720.823</b>

**14. Bất động sản đầu tư**

	Nhà đặt trạm thiết bị BTS VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>		
Số đầu năm	151.329.508	151.329.508
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>151.329.508</b>	<b>151.329.508</b>
<b>Khấu hao</b>		
Số đầu năm	65.606.108	65.606.108
Khấu hao trong năm	30.265.896	30.265.896
Giảm trong năm	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>95.872.004</b>	<b>95.872.004</b>
<b>Giá trị còn lại</b>		
Số đầu năm	<b>85.723.400</b>	<b>85.723.400</b>
Số cuối năm	<b>55.457.504</b>	<b>55.457.504</b>

**15. Đầu tư dài hạn khác**

	31/12/2009 (VND)	31/12/2008 (VND)
Đầu tư góp vốn vào Công ty CP Handic	2.055.375.000	2.055.375.000
Góp vốn liên doanh với Cty CP Hạ Tầng Phần Vinh (@)	-	7.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>2.055.375.000</b>	<b>9.055.375.000</b>

(@) là khoản đầu tư góp vốn theo hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần hạ tầng Phần Vinh để xây dựng dự án nhà 02 Yên Bái. Năm 2009, Công ty đã mua lại toàn bộ khu đất này để làm tài sản cố định.

**16. Chi phí trả trước dài hạn**

	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
Tiền thuê đất tại KCN trả trước nhiều năm	878.420.160	988.222.680
Chi phí phân bổ dài hạn của NM cáp đồng	161.823.776	318.371.560
Chi phí phân bổ dài hạn của VPC	403.259.993	538.887.188
Chi phí phân bổ dài hạn của xưởng FRP	375.533.031	652.297.679
Chi phí phân bổ dài hạn của VMC	540.957.875	19.071.809
Nâng cấp thiết bị tạo hình cũ	28.118.405	28.118.405
Chi phí phân bổ dài hạn của xưởng nhựa	211.913.094	341.155.052
Chi phí phân bổ dài hạn của cáp quang	333.945.170	657.613.377
Chi phí phân bổ dài hạn của VPDN	283.240.550	555.038.439
Dự án khoáng sản	86.851.198	195.286.225
Dự án cao ốc Lotus plaza	-	159.487.709
Dự án trồng cây cao su	-	306.435.111
Dự án quy hoạch chuỗi Vật liệu xây dựng	14.905.738	29.811.454
Dự án KCN An Lưu	9.881.444	19.762.892
Dự án phong điện	58.507.409	117.014.813
Chi phí đền bù	17.320.800	-
Chi phí phân bổ dài hạn của DA cao su	67.801.190	-
Dự án nước ngầm Nhà máy VMC	9.723.810	-
<b>Cộng</b>	<b><u>3.482.203.643</u></b>	<b><u>4.926.574.393</u></b>

Ngoại trừ tiền thuê đất KCN trả trước cho nhiều năm, các khoản Chi phí trả trước dài hạn khác là chi phí trước hoạt động của các dự án Công ty phân bổ trong thời gian 2 đến 3 năm.

**17. Vay và nợ ngắn hạn**

	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
Vay ngắn hạn	30.435.337.212	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>30.435.337.212</u></b>	<b><u>-</u></b>

Toàn bộ khoản vay trên là vay ngân hàng Đầu tư và Phát triển Quảng Nam để bổ sung vốn lưu động theo hợp đồng tín dụng ngắn hạn hạn mức số 01/08/HĐ ngày 11/09/2008 và hợp đồng số 01/2009/HĐ ngày 30/06/2009. Theo đó, thời hạn cho vay từng lần được quy định trên hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể.

**18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
Thuế giá trị gia tăng	559.162.600	332.793.210
Thuế xuất, nhập khẩu	115.545.654	-
Thuế thu nhập cá nhân	15.180.420	48.490.697
<b>Cộng</b>	<b>689.888.674</b>	<b>381.283.907</b>

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

**19. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
Kinh phí công đoàn	331.339.944	124.890.525
Bảo hiểm y tế	1.144.595	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.255.525.878	174.921.495
+ Cty CP PT đô thị và KCN Quảng Nam - Đà Nẵng	760.168.802	
+ Phải trả khác	495.357.076	174.921.495
<b>Cộng</b>	<b>1.588.010.417</b>	<b>299.812.020</b>

**20. Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	CL tỷ giá hối đổi VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	LNST chưa phân phối VND
<b>Số dư tại 01/01/2008</b>	<b>250.000.000.000</b>	<b>175.000.000.000</b>	-	<b>200.881.676</b>	<b>3.312.432.594</b>	<b>86.203.735.727</b>
Tăng trong năm	-	-	-	-	4.310.186.786	
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	84.995.586.313
<b>Số dư tại 31/12/2008</b>	<b>250.000.000.000</b>	<b>175.000.000.000</b>	-	<b>200.881.676</b>	<b>7.622.619.380</b>	<b>1.208.149.414</b>
<b>Số dư tại 01/01/2009</b>	<b>250.000.000.000</b>	<b>175.000.000.000</b>	-	<b>200.881.676</b>	<b>7.622.619.380</b>	<b>1.208.149.414</b>
Tăng trong năm	-	-	814.163.869	-	-	1.983.810.109
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư tại 31/12/2009</b>	<b>250.000.000.000</b>	<b>175.000.000.000</b>	<b>814.163.869</b>	<b>200.881.676</b>	<b>7.622.619.380</b>	<b>3.191.959.523</b>

**b. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận**

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
- Vốn góp đầu năm	250.000.000.000	250.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	250.000.000.000	250.000.000.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	-	-

**c. Cổ phiếu**

	31/12/2009 Cổ phiếu	31/12/2008 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	25.000.000	25.000.000
- Cổ phiếu thường	25.000.000	25.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	25.000.000	25.000.000
- Cổ phiếu thường	25.000.000	25.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000VND		

**d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối**

	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	1.208.149.414	86.203.735.727
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	1.983.810.109	(17.418.839.168)
<b>Các khoản giảm lợi nhuận sau thuế</b>		<b>67.576.747.145</b>
<i>Trích Quỹ dự phòng tài chính</i>		<i>4.310.186.786</i>
<i>Trích thù lao cho HĐQT, Ban kiểm soát</i>		<i>336.000.000</i>
<i>Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi và PT thị trường</i>		<i>12.930.560.359</i>
<i>Chia cổ tức cho các cổ đông</i>		<i>50.000.000.000</i>
<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</b>	<b>3.191.959.523</b>	<b>1.208.149.414</b>

**21. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>190.743.881.393</b>	<b>289.103.334.245</b>
+ Doanh thu bán thành phẩm	164.047.984.963	144.320.305.427
+ Doanh thu bán hàng hóa	11.662.838.008	144.647.017.909
+ Doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư	109.090.910	136.010.909
+ Doanh thu kinh doanh bất động sản	14.840.000.000	
+ Doanh thu khác	83.967.512	
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>1.705.102.166</b>	<b>1.726.246.309</b>
+ Giảm giá hàng bán		
+ Hàng bán bị trả lại	1.705.102.166	1.726.246.309
Thành phẩm trả lại	<i>1.705.102.166</i>	<i>1.726.246.309</i>
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cc dịch vụ</b>	<b><u>189.038.779.227</u></b>	<b><u>287.377.087.936</u></b>
+ Bán thành phẩm	162.342.882.797	142.594.059.118
+ Bán hàng hóa	11.662.838.008	144.647.017.909
+ Cho thuê bất động sản đầu tư	109.090.910	136.010.909
+ Kinh doanh bất động sản	14.840.000.000	
+ Khác	83.967.512	

**22. Giá vốn hàng bán**

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	151.777.390.393	153.269.436.671
Giá vốn của hàng hóa đã bán	13.010.220.927	133.594.368.956
Giá vốn của hoạt động cho thuê bất động sản và khác	54.184.799	48.545.661
<b>Cộng</b>	<b><u>164.841.796.119</u></b>	<b><u>286.912.351.288</u></b>

**23. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.506.673.292	11.670.274.891
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.045.838.833	315.866.900
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.506.147	577.894.590
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		827.364.915
Lãi bán hàng trả chậm		562.394.654
Chiết khấu thanh toán	421.127.243	-
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư	1.230.874.000	366.510.000
<b>Cộng</b>	<b>5.208.019.515</b>	<b>14.320.305.950</b>

**24. Chi phí tài chính**

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Lãi tiền vay	1.041.096.008	2.609.077.654
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	1.476.359.360	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.907.642.352	3.933.574.055
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	(1.612.570.300)	1.703.772.300
Chi phí tài chính khác	58.058.971	273.514.850
<b>Cộng</b>	<b>3.870.586.391</b>	<b>8.519.938.859</b>

**25. Thu nhập khác**

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, CCDC	796.630.473	
Thu từ bán phế liệu, phế phẩm	707.228.413	
Thu từ bồi thường vi phạm hợp đồng	166.350.000	
Thu khác	362.075.518	885.838.209
<b>Cộng</b>	<b>2.032.284.404</b>	<b>885.838.209</b>



**26. Chi phí khác**

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ	700.929.636	
Giá vốn phế liệu thanh lý, chi phí thanh lý phế liệu	22.682.789	
Chi phí phạt vi phạm hợp đồng, phạt chậm nộp tờ khai,	156.481.302	
Chi khác	444.964.251	92.552.609
<b>Cộng</b>	<b>1.325.057.978</b>	<b>92.552.609</b>

**27. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp và Lợi nhuận sau thuế trong kỳ**

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.983.810.109	(17.418.839.168)
- Lợi nhuận được hưởng ưu đãi (Bán thành phẩm)	(14.137.255.951)	
- Lợi nhuận không được hưởng ưu đãi (Bán hàng hóa, cho thuê BĐS, hoạt động khác)	16.121.066.060	
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	5.543.100.845	(1.014.617.651)
- Điều chỉnh tăng	6.588.939.678	128.614.164
+ Chi phí không có hóa đơn theo quy định	368.150.000	127.790.000
+ CP khấu hao Nhà máy cáp đồng ngừng sản xuất	6.185.801.704	
+ Chi nộp phạt thuế, phạt vi phạm hành chính	34.987.974	824.164
- Điều chỉnh giảm	1.045.838.833	1.143.231.815
+ Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		827.364.915
+ Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.045.838.833	315.866.900
Tổng thu nhập chịu thuế (chưa trừ chuyển lỗ)	7.526.910.954	(18.433.456.819)
<i>Trong đó</i>		
- Lợi nhuận được hưởng ưu đãi (Bán thành phẩm)	(7.548.316.273)	(22.210.409.896)
- Lợi nhuận không được hưởng ưu đãi (Bán hàng hóa, cho thuê BĐS, hoạt động khác)	15.075.227.227	3.776.953.077
Lỗ từ các năm trước chuyển sang	(18.433.456.819)	-
Tổng thu nhập chịu thuế (sau chuyển lỗ)	(10.906.545.865)	(18.433.456.819)
Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>1.983.810.109</b>	<b>(17.418.839.168)</b>

**28. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.983.810.109	(17.418.839.168)
Các khoản điều chỉnh tăng/giảm lợi nhuận kế toán	-	
+ Các khoản điều chỉnh tăng		
+ Các khoản điều chỉnh giảm		
LN hoặc lỗ phân bổ cho Cổ đông sở hữu CP phổ thông	1.983.810.109	(17.418.839.168)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	25.000.000	25.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>79</b>	<b>(697)</b>

**29. Các thông tin khác****a) Dự án “Phá dỡ, xây dựng lại nhà C5, C6 khu tập thể Giảng Võ”**

Đây là dự án hợp tác đầu tư cùng với Công ty Cổ phần Tư vấn HANDIC – Đầu tư và Phát triển nhà Hà Nội (thuộc Tổng Công ty đầu tư và phát triển nhà Hà Nội) theo Biên bản thỏa thuận về việc hợp tác đầu tư số 22/2007/BBTT-HANDIC-VIETHAN ngày 20/11/2007. Theo đó, Công ty chịu trách nhiệm chi trả chi phí chuẩn bị dự án tạm tính 1 tỷ đồng và cam kết góp 35% tổng vốn đầu tư. Khi dự án hoàn thành, Công ty được hưởng các sản phẩm đầu tư là một số diện tích sàn kinh doanh của dự án (dự kiến tương đương 9 sàn kinh doanh theo giá trị quyết toán đầu tư). Dự án đang được triển khai, dự kiến thời gian kết thúc đầu tư đưa công trình vào khai thác sử dụng trong Quý 1/2011. Cho đến thời điểm này, Công ty chưa đầu tư góp vốn cùng HANDIC trong dự án này.

Ngày 12/7/2009, Công ty đã chuyển nhượng quyền hợp tác đầu tư dự án trên cho Ông Lê Kông Minh theo hợp đồng số 04/2009/HĐNQ/VHG. Lợi nhuận thu được từ việc chuyển nhượng này là 10.790.000.000 đồng.

**b) “Phá dỡ nhà nguy hiểm C7 khu tập thể Giảng Võ để xây dựng lại thành chung cư cao tầng”**

Hợp tác đầu tư với Công ty Cổ phần Tư vấn HANDIC – Đầu tư và Phát triển nhà Hà Nội (thuộc Tổng Công ty đầu tư và phát triển nhà Hà Nội) theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/2007/HĐHTĐT-HD-VH ngày 20/11/2007 và phụ lục hợp đồng ngày 01/6/2009. Theo đó, Công ty chịu trách nhiệm hỗ trợ một phần chi phí chuẩn bị đầu tư dự án là 1 tỷ đồng và cam kết góp vốn đầu tư với số tiền dự kiến khoảng 20,06 tỷ đồng. Khi dự án hoàn thành, Công ty được hưởng các sản phẩm đầu tư là 02 diện tích sàn kinh doanh của dự án. Dự kiến thời gian kết thúc đầu tư đưa dự án vào khai thác sử dụng là Quý 4/2010. Tổng số tiền Công ty đã đầu tư góp vốn cùng HANDIC tính đến ngày 31/12/2009 là 5.000.000.000 đồng.

Công ty đã chuyển nhượng quyền hợp tác đầu tư dự án trên cho Ông Trần Văn Dũi theo hợp đồng số 01/2009/HĐNQ/VHG ngày 19/5/2009 và hợp đồng số 03/2009/HĐNQ/VHG ngày 17/6/2009. Tổng số tiền thu được là 9,05 tỷ đồng. Như vậy, lợi nhuận của việc chuyển nhượng hợp đồng này là 4,05 tỷ đồng.

### 30. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong các Báo cáo tài chính.

### 31. Các bên liên quan

#### a. Thông tin về bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
Lê Kông Minh	Thành viên HĐQT

#### b. Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm gồm:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị VND
Lê Kông Minh	Nhượng quyền hợp tác đầu tư thực hiện dự án "Phá dỡ nhà C5, C6 khu tập thể Giảng Võ"	10.790.000.000

#### c. Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Khoản phải thu VND
Lê Kông Minh	Phải thu về nhượng quyền hợp tác đầu tư thực hiện dự án "Phá dỡ nhà C5, C6 khu tập thể Giảng Võ"	3.290.000.000

### 32. Số liệu so sánh

Là số liệu trong Báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008 đã được kiểm toán bởi AAC

Tổng giám đốc

Kế toán trưởng



Huỳnh Tấn Chung

Nguyễn Thị Thu Thảo



**THÔNG TIN**

**DÀNH CHO**

**CỔ ĐÔNG**



## Thông tin dành cho cổ đông

### THỐNG KÊ VỀ CỔ ĐÔNG

(theo danh sách chốt số ngày 19/03/2010)

#### Cổ đông sáng lập

	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu
Đình Công Trạng	3.473.844	13,89
Huỳnh Tấn Chung	3.069.383	12,27
Lê Thị Kim Ánh	2.688.675	10,76
Trương Thị Thanh Hương	380.697	1,53
Đình Văn Chính	380.697	1,53
<b>Tổng cộng</b>	<b>9.9993.296</b>	<b>39,98</b>

#### Các loại cổ phiếu

	Số lượng	%	Mệnh giá	Quyền biểu quyết
Cổ phiếu phổ thông	25.000.000		10.000	1:1
Cổ phiếu ưu đãi	-		10.000	1:1
Cổ phiếu quỹ	-		10.000	1:0
<b>Tổng cộng</b>	<b>25.000.000</b>			

#### Cơ cấu sở hữu

	Số cổ đông	%	Tổng số cổ phiếu	%
1 - 999	334	20,27%	287.809	1,15%
1.000 - 9.999	1066	64,68%	2.695.312	10,78%
10.000 - 1000000	243	14,75%	10.620.477	42,48%
> 1.000.000	5	0,30%	11.396.402	45,59%
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.648</b>	<b>100%</b>	<b>25.000.000</b>	<b>100%</b>

#### Cơ cấu cổ đông

	Số cổ đông	%	Tổng số cổ phiếu	%
Hội đồng quản trị, Ban TGD, kế toán trưởng, Ban KS, nhân viên VHG	9	0,55%	9.522.145	38,09%
Cá nhân	1.615	98,00%	14.401.955	57,61%
Tổ chức	24	1,46%	1.075.900	4,30%
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.648</b>	<b>100%</b>	<b>25.000.000</b>	<b>100%</b>

**Sở hữu theo địa lý**

	Số cổ đông	Tỷ lệ cổ đông	Tổng số cổ phiếu	Tỷ lệ cổ phiếu
Việt Nam	<b>1.609</b>	<b>97,63%</b>	<b>24.518.699</b>	<b>98,07%</b>
Cá nhân	1.593	96,66%	23.885.370	95,54%
Tổ chức	16	0,97%	633.329	2,53%
Nước ngoài	<b>39</b>	<b>2,37%</b>	<b>481.301</b>	<b>1,93%</b>
Cá nhân	31	1,88%	38.730	0,15%
Tổ chức	8	0,49%	442.571	1,77%
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.648</b>	<b>100%</b>	<b>25.000.000</b>	<b>100%</b>

**Cổ đông nắm giữ trên 5% sở hữu**

	Cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần	%
1	Đình Công Trạng	C22, BT6, Mỹ Đình 2, Từ Liêm, Hà Nội	3.473.844	13,89
2	Huỳnh Tấn Chung	158 -Bạch Đằng TP Đà Nẵng	3.069.383	12,27
3	Lê Thị Kim Ánh	34 -Phan Bội Châu TP Đà Nẵng	2.688.675	10,76

**Sở hữu cổ phần của các thành viên HĐQT**

	Cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần	%
1	Đình Công Trạng	C22, BT6, Mỹ Đình 2, Từ Liêm, Hà Nội	3.473.844	13,89
2	Huỳnh Tấn Chung	158 -Bạch Đằng TP Đà Nẵng	3.069.383	12,27
3	Trần Đình Chinh	Đường Phan Bội Châu, Tam Kỳ Quảng Nam	101.519	0,41
	<b>Tổng cộng</b>		<b>6.644.746</b>	<b>26,57</b>

**Sở hữu cổ phần của các thành viên Ban kiểm soát**

	Cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần	%
1	Đình Thị Thúy Hạnh	59 Lương Ngọc Quyến Quận Hoàn Kiếm TP Hà Nội	54.587	0,21
2	Doãn Văn Thụy	Khối phố 3 Phường An Phú Tam Kỳ Quảng Nam	2.000	0,008
3	Phan Ngọc Hiệp	K69/16 Bùi Thị Xuân Sơn Trà TP Đà Nẵng	25.000	0,112
	<b>Tổng cộng</b>		<b>81.587</b>	<b>0,33</b>

**Tỷ lệ sở hữu cổ phần của các thành viên Ban Giám đốc**

	<b>Cổ đông</b>	<b>Địa chỉ</b>	<b>Số cổ phần</b>	<b>%</b>
1	Huỳnh Tấn Chung	158 -Bạch Đằng TP Đà Nẵng	3.069.383	12,27
2	Nguyễn Đông	Hoà Phước Hoà Vang, TP Đà Nẵng	72,762	0,29
3	Nguyễn Tiến Trung	50 Nguyễn Du, TP Đà Nẵng	72,762	0,29
4	Quảng Bá Hải	24-26 Paster TP Đà Nẵng	13.000	0,052
	<b>Tổng cộng</b>		<b>3.240.210</b>	<b>12,96</b>

**HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT****Hội đồng quản trị**

Đại hội đồng cổ đông ngày 21/03/2009 đã bầu nhiệm kỳ HĐQT mới gồm 05 thành viên.

HĐQT đã thực hiện quyền và đầy đủ các nghĩa vụ đối với cổ đông, cơ quan nhà nước, các đối tác, Ban kiểm soát, Ban điều hành theo đúng điều lệ công ty và quy định của pháp luật

Với biến động của thị trường, hoạt động của HĐQT được tăng số lần họp hội bằng các hình thức khác nhau để đưa ra các quyết định kịp thời nhất định hướng cho Ban điều hành. Các quyết định quan trọng nhất nhằm để bảo toàn vốn: điều chỉnh cơ cấu tổ chức; quyết định các quy chế, chính sách lớn trong toàn bộ hệ thống quản lý chất lượng của Công ty; quyết định các phương án tài trợ vốn đầu tư, chiến thuật bình ổn lợi nhuận trong kinh doanh; quyết định các danh mục đầu tư theo Nghị quyết và theo thẩm quyền được ghi tại điều lệ Công ty; các định hướng về chiến lược phát triển kinh doanh: trồng cây công nghiệp, chế biến khoáng sản, sản xuất vật liệu xây dựng, năng lượng sạch... Thay đổi quy chế giám sát hoạt động của Tổng giám đốc và điều chỉnh một số điểm quan trọng tại quy chế tài chính.

Đánh giá khả năng thực hiện nhiệm vụ của HĐQT: Trong năm 2009, HĐQT đã nghiên cứu đầu tư vào một số hoạt động nhất định nhằm giúp cải thiện kết quả kinh doanh của Công ty, tuy nhiên do cuộc suy thoái và khủng hoảng kinh tế toàn cầu diễn ra nhanh chóng, thị trường giảm sút đã ảnh hưởng trầm trọng đến hoạt động của VHG. HĐQT đánh giá đã không hoàn thành nhiệm vụ, nhận thấy có những chỉ đạo còn hạn chế. Tuy nhiên dựa quan điểm thực hiện nhiệm vụ của mình một cách cẩn trọng, HĐQT cùng Ban điều hành VHG đã đưa ra các quyết định kịp thời, hợp lý nhằm giảm rủi ro cao nhất cho Công ty, cho các cổ đông.

**Ban kiểm soát**

Hoạt động của Ban kiểm soát ngày càng chuyên nghiệp và có trọng tâm hơn. Trong năm đã tiến hành phân công công việc cho từng thành viên, giám sát và đánh giá các hoạt động chuyên sâu. Ban Kiểm soát đã theo dõi các hoạt động tại từng nhà máy, trao đổi thông tin liên quan đến hoạt động cho HĐQT và các bộ phận trong Công ty. Tuy nhiên, hoạt động của Ban kiểm soát còn hạn chế nhất định, chưa theo kịp tình hình của Công ty và đưa ra những đánh giá kịp thời.

**CÔNG TY KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP****Công ty TNHH Kiểm toán và kế toán AAC**

Địa chỉ : 217 Nguyễn Văn Linh – TP. Đà Nẵng

Điện thoại : 84-511-3655886

Fax : 84-511-3655887



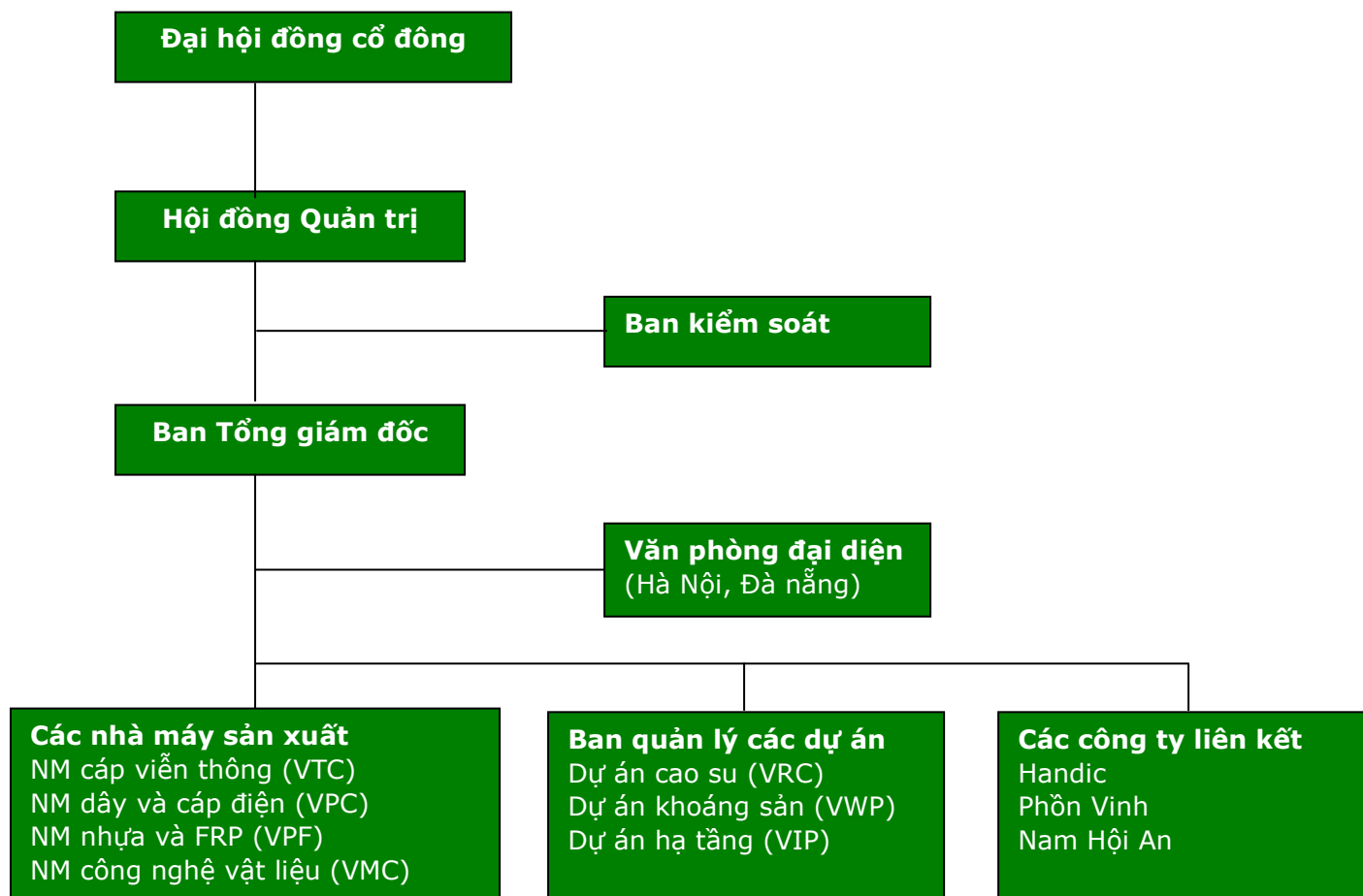


**THÔNG TIN  
VỀ  
CÔNG TY VIỆT HÀN**

CÔNG TY VIỆT HÀN

## Thông tin về Công ty Việt-Hàn

### CƠ CẤU TỔ CHỨC



**ĐỘI NGŨ QUẢN LÝ****Ông Đinh Công Trọng – sinh năm 1963, Chủ tịch HĐQT**

Ông Trọng là một trong 3 thành viên sáng lập VHG vào năm 2003, ông Đinh Công Trọng là người đề ra những mục tiêu và dẫn dắt VHG phát triển trong những năm qua. Ông Trọng là kỹ sư viễn thông, là nhà quản lý doanh nghiệp thành công trong nhiều lĩnh vực kinh doanh

**Ông Huỳnh Tấn Chung – sinh năm 1974, Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc**

Là thành viên sáng lập, ông Chung đã cùng đồng nghiệp xây dựng hệ thống quản trị, duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh của VHG. Ông Chung là cử nhân QTKD, kỹ sư công nghệ Điện tử-viễn thông, là người điều hành doanh nghiệp xây lắp, sản xuất trước khi sáng lập ra VHG

**Ông Trần Đình Chinh – sinh năm 1965, Thành viên HĐQT**

Ông Chinh có kinh nghiệm làm việc lâu năm trong ngành viễn thông và có uy tín trong lĩnh vực phát triển công nghệ. Ông hiện đảm nhiệm vị trí Phó Tổng giám đốc Công ty QTC chuyên ngành xây lắp viễn thông. Ông Chinh là kỹ sư điện tử viễn thông, từng tham gia các khóa đào tạo nâng cao quản trị điều hành hạ tầng viễn thông.

**Ông Lê Kông Minh – sinh năm 1977, Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc Ban PTDA**

Ông Minh là chuyên gia trong lĩnh vực quản trị doanh nghiệp, đã kinh qua vị trí Giám đốc đầu tư của VHG và hiện tại là Giám đốc Quản trị. Ông Minh là cử nhân kinh tế ngoại thương và tham gia nhiều khóa đào tạo quản trị doanh nghiệp cao cấp

**Ông Nguyễn Đông – sinh 1973, Phó Tổng giám đốc**

Ông Đông là người kiến tạo năng lực tài chính, quản trị và phát triển nguồn lực cho VHG. Ông Đông tốt nghiệp ĐH Kinh tế Đà Nẵng

**Bà Nguyễn Thị Thu Thảo – sinh năm 1981, Kế toán trưởng**

Bà Thảo tốt nghiệp Đại học Kinh tế Đà Nẵng chuyên ngành Tài chính, là người đã từng giữ vị trí kế toán trưởng trước đây của VHG

**Bà Đinh Thị Thuý Hạnh – sinh năm 1973, Trưởng Ban Kiểm soát**

Bà Hạnh tốt nghiệp đại học Kinh tế quốc dân, đã tham gia quản lý điều hành các công ty chuyên về thương mại và sản xuất, hiện tại đang phụ trách nhóm hoạt động thương mại của VHG

**Ông Doãn Văn Thụy – sinh năm 1972, Thành viên**

Ông Thụy tốt nghiệp khoa tài chính kế toán – ĐHKT Đà Nẵng, đã có hơn 10 năm đảm nhận vị trí quản lý tài chính, hiện là kế toán trưởng Công ty Xây Lắp Điện Quảng Nam

**Ông Phạm Hữu Xuân, Thành viên**

Ông Xuân là cử nhân kinh tế có hơn 40 năm kinh nghiệm quản lý, hiện là Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Xây Lắp Bưu Điện Hà Nội

**Ông Phạm Ngọc Hiệp – sinh năm 1971, Thành viên**

Ông Hiệp đã có hơn 15 năm kinh nghiệm đảm nhận vị trí quản lý tài chính, hiện là kế toán trưởng Viễn thông Quảng Nam

**Ông Nguyễn Tiến Trung – sinh năm 1974, Giám đốc Phát triển Dự án (PTDA)**

Ông Trung là chuyên gia trong lĩnh vực đầu tư, kinh doanh sản phẩm công nghiệp, có trên 10 năm kinh nghiệm. Ông Trung tốt nghiệp cử nhân công nghệ thông tin và khoa học ngoại ngữ.

**Ông Lê Văn Phương – sinh năm 1971, Giám đốc Nhà máy dây và cáp điện (VPC)**

Ông Phương là chuyên gia quản lý sản xuất tại các nhà máy lớn tại khu vực miền Trung, đã qua vị trí điều hành doanh nghiệp trước khi về cộng tác với VHG. Ông Phương là kỹ sư cơ khí chế tạo và cử nhân kinh tế

**Ông Quảng Bá Hải – sinh năm 1973, Giám đốc Quản trị**

Ông Hải là chuyên gia quản trị tổ chức, cộng tác từ ngày đầu thành lập VHG với các vị trí Giám đốc kinh doanh, Giám đốc nhân sự. Ông Hải tốt nghiệp cử nhân kinh tế và cử nhân luật



**Ông Phan Ngọc Đồng-sinh năm 1975, Giám đốc Nhà máy nhựa và FRP (VPF)**

Ông Đồng tốt nghiệp Đại học chuyên ngành Điện tử Viễn Thông, nhiều năm kinh nghiệm ở vị trí Giám đốc Kỹ Thuật của VHG



**Ông Ngô Hữu Phú – sinh năm 1973, Giám đốc Nhà máy cáp viễn thông (VTC)**

Ông Phú là chuyên gia quản lý sản xuất tại các nhà máy công nghiệp khu vực miền Trung, đã qua kinh nghiệm quản lý điều hành các nhà máy sản xuất. Ông Phú là kỹ sư điện động lực



**Ông Ngô Thanh Tùng – sinh năm 1977, Giám đốc Nhà máy công nghệ vật liệu (VMC)**

Ông Tùng là kỹ sư quản lý công nghiệp, có kinh nghiệm quản lý điều hành nhà máy sản xuất vật liệu xây dựng, trước đây là Giám đốc nhà máy tuynel Tam Lộc

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ & SẢN XUẤT VIỆT-HÀN**

Địa chỉ : Lô 04, 05 – KCN Điện Nam Điện Ngọc, Quảng Nam  
Điện thoại : 84-510-3946345  
Fax : 84-510-3946333  
Email : [vhg@vhg.com.vn](mailto:vhg@vhg.com.vn)  
Website : [www.vhg.com.vn](http://www.vhg.com.vn)

## Dự án: D'EVERLYN TOWER



- Địa điểm: 09 Lê Duẩn - phường Hải Châu 1- quận Hải Châu - thành phố Đà Nẵng
- Diện tích đất: 3000m<sup>2</sup>
- Số tầng cao: 35 tầng (2 tầng hầm)



## Dự án: Khu liên hợp công nghiệp – Dịch vụ & đô thị An Lưu



- Địa điểm: huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam
- Diện tích: 250ha





## Dự án trồng rừng cao su



- Tổng diện tích đầu tư: 4.115 ha
- Tổng vốn đầu tư : 440 tỷ đồng.
- Thời hạn thuê đất: 50 năm.



## Nhà máy cáp đồng



- Diện tích: 30.000m<sup>2</sup>

- Năng lực sản xuất: Cáp đồng viễn thông các loại 3.000.000 Km đôi dây/năm

### Hình ảnh dây chuyền sản xuất



## Nhà máy cáp quang



- Diện tích: 10.000m<sup>2</sup>
- Năng lực sản xuất: 300.000 Km sợi/năm

### Hình ảnh dây chuyền sản xuất



## Nhà máy nhựa



- Diện tích: 10.000m<sup>2</sup>
- Năng lực sản xuất: 16.000 tấn sản phẩm/năm

### Hình ảnh dây chuyền sản xuất



## Nhà máy FRP



- Diện tích: 10.000m<sup>2</sup>
- Năng lực sản xuất: 16.000 tấn sản phẩm/năm

### Hình ảnh dây chuyền sản xuất



## Nhà máy dây & cáp điện



- Diện tích: 25.000m<sup>2</sup>
- Năng lực sản xuất: 10.000 tấn sản phẩm/năm

### Hình ảnh dây chuyền sản xuất



## Nhà máy công nghệ vật liệu



- Diện tích: 18 ha
- Năng lực sản xuất: 80 triệu sản phẩm/năm

### Hình ảnh dây chuyền sản xuất



## Thành tựu



Top 500 doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam do Vietnamnet công bố theo thống kê của Việt Nam Report.



Cờ thi đua của Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam khen tặng Đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua năm 2007.



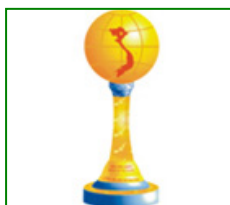
Giải thưởng Chất lượng Việt Nam 2007 do Bộ Khoa Học và Công Nghệ và Hội đồng quốc gia về Giải thưởng Chất lượng Việt Nam bình chọn.



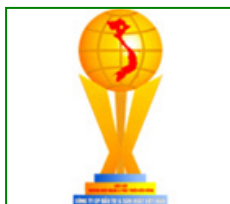
Hệ thống ISO 9001:2000 do Tổng cục đo lường chất lượng và Trung tâm chứng nhận Quacert đánh giá và cấp chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn.



Giải thưởng Sao Vàng Đất Việt 2006, 2007 top 100 thương hiệu Việt Nam do Ủy ban Quốc gia về hợp tác Kinh tế và Hội các nhà doanh nghiệp trẻ Việt Nam bình chọn.



Cup vàng Topten "Sản phẩm thương hiệu Việt uy tín – Chất lượng năm 2006, 2007" do Liên hiệp các Hội sở Khoa học – Kỹ thuật Việt Nam và mạng Thương hiệu Việt bình chọn.



Siêu cúp thương hiệu mạnh và phát triển bền vững năm 2007 do Liên hiệp các Hội Khoa học Kỹ thuật Việt Nam bình chọn.



Giải thưởng Quả cầu vàng 2006 do Tổng liên đoàn lao động Việt Nam và Liên hiệp các Hội Khoa học Kỹ thuật Việt Nam bình chọn.



## Hình ảnh hoạt động







*Phồn vinh cùng đất nước*